

## BÁO CÁO

### Tình hình KT- XH, QP-AN năm 2018 và kế hoạch phát triển KT-XH, QP-AN năm 2019

#### Phần thứ nhất

#### ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH KINH TẾ XÃ HỘI, QP-AN NĂM 2018

Năm 2018 là năm bản lề thực hiện nghị quyết đại hội đảng các cấp và kế hoạch phát triển KT-XH 5 năm 2016-2021. Năm huyện tập trung thực hiện chủ đề “Tăng cường cải cách hành chính; đẩy mạnh tái cơ cấu ngành nông nghiệp; huy động mọi nguồn lực xây dựng cơ sở hạ tầng, xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh; hoàn thành việc GPMB xây dựng Khu tái định cư Hải Khê”. Từ cuối năm 2017, UBND huyện đã ban hành các quyết định về giao chỉ tiêu định hướng phát triển KT-XH, QP-AN; dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2018; nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu chỉ đạo, điều hành thực hiện phát triển KT-XH, QP-AN năm 2018 theo Kế hoạch của UBND tỉnh, Kết luận số 84-KL/HU ngày 28/11/2017 của BCH Đảng bộ huyện và Nghị quyết số 06/2017/NQ-HĐND ngày 20/12/2017 của HĐND huyện.... Do đó, mặc dù vẫn còn nhiều khó khăn nhưng với sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của BTV Huyện ủy, HĐND huyện, sự phối hợp chặt chẽ của UBMT và các đoàn thể huyện cùng với sự nỗ lực phấn đấu cao của các cơ quan, đơn vị, địa phương và nhân dân toàn huyện, tình hình KT-XH, QP-AN năm 2018 đạt được những kết quả khả quan, có 19/20 chỉ tiêu KT-XH chủ yếu đạt và vượt kế hoạch đề ra. Kết quả cụ thể như sau:

#### I. CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU:

##### 1. Các chỉ tiêu kinh tế:

- Tốc độ tăng trưởng kinh tế đạt 13,26% (KH 13-14%). Trong đó: Nông-Lâm-Ngư: 12,23% (KH 3,5-4%); CN-TTCN và XD: 7,12% (KH 17-18%); các ngành dịch vụ: 20,28% (KH 16-17%).

- Cơ cấu giá trị sản xuất các ngành kinh tế: Nông-Lâm-Ngư: 2.360 tỷ đồng, chiếm 32,1% (KH 28-29%), CN-TTCN và XD: 2.341 tỷ đồng, chiếm 31,8% (KH 35-36%), các ngành dịch vụ: 2.655 tỷ đồng, chiếm 36,1% (KH 35-36%).

- Thu nhập bình quân đầu người: 44,25 triệu đồng (KH 38-39 triệu đồng).

- Giá trị SX nông nghiệp/ha đất canh tác đạt trên: 74,44 triệu đồng (KH 72 triệu đồng).

- Tổng sản lượng lương thực có hạt: 8,659 vạn tấn (KH 8,302 vạn tấn).

- Thu ngân sách trên địa bàn: Ước khoảng 68.100 triệu đồng (KH 67.800 triệu đồng).

- Tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội 814 tỷ đồng (KH 715 tỷ đồng).

- Có thêm 3 xã đạt tiêu chí để về đích nông thôn mới năm 2018 (KH 3 xã)

##### 2. Các chỉ tiêu xã hội:

- Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên: 0,85% (KH dưới 1%)

- Mức giảm tỷ suất sinh: 0,3‰ (KH 0,3‰)

- Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi SDD: 5,9% (KH 5,9%)

- Tỷ lệ hộ nghèo: 5,86%, giảm 0,84% (KH 1-1,5%).

- Tỷ lệ người dân tham gia BHYT: 88% (KH 85%).

- Tạo việc làm mới: 1.000 lao động (KH 1.000-1.200 lao động).

- Tỷ lệ lao động qua đào tạo ước đạt 53% (KH 53%), trong đó, lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ nghề ước đạt 35% (KH >34%).

- Xuất khẩu lao động: 220 lao động (KH 150 lao động).

### 3. Các chỉ tiêu môi trường:

- Tỷ lệ độ che phủ rừng: 47,1% (KH 47%).
- Tỷ lệ hộ sử dụng nước sạch, nước hợp vệ sinh 99,71% (KH 99,7%); trong đó, tỷ lệ dùng nước máy trên 46,14% (KH 50%).
- Tỷ lệ hộ có hố xí tự hoại, bán tự hoại 95,55% (KH 95,5%).
- Tỷ lệ chất thải rắn ở xã, thị trấn được thu gom 89,92% (KH 89%).

## II. LĨNH VỰC KINH TẾ:

### 1. Sản xuất nông, lâm, ngư gắn với xây dựng nông thôn mới:

#### 1.1. Sản xuất nông, lâm, ngư:

Tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo Đề án của tỉnh và Kế hoạch của huyện được triển khai thực hiện theo hướng chú trọng các sản phẩm có tiềm năng phát triển, có lợi thế cạnh tranh gắn với các chính sách hỗ trợ cụ thể. Ngoài tổ chức sản xuất vụ Đông Xuân và Hè Thu theo kế hoạch, huyện tăng cường chỉ đạo đẩy mạnh sản xuất vụ Thu Đông nên tốc độ tăng trưởng ngành nông nghiệp năm 2018 đạt 12,23%; tổng giá trị sản xuất 2.360 tỷ đồng, tăng 404 tỷ đồng; tổng sản lượng lương thực có hạt đạt 8,66 vạn tấn, tăng trên 8 nghìn tấn; giá trị sản xuất đất canh tác đạt 74,44 triệu đồng/ha, tăng 5 triệu đồng/ha so với năm 2017.

- Cây lúa 13.541,2 ha (đạt 100,7%KH), năng suất bình quân đạt 62,3 tạ/ha (*cao hơn năm trước 5,9 tạ/ha và cao nhất từ trước đến nay*). Thành lập 3 THT tích tụ ruộng đất theo hình thức thuê đất được 39,1 ha. Xây dựng cánh đồng lúa lớn 834,8 ha (*ĐX 471,4 ha, HT 363,4 ha*); trong đó, 125 ha có hợp đồng liên kết tiêu thụ sản phẩm với các doanh nghiệp; liên kết với doanh nghiệp sản xuất và tiêu thụ lúa hữu cơ 167,75 ha (*bình quân 38,3 triệu đồng/ha/vụ, cao gấp 1,3-2 lần so với sản xuất đại trà*). Ngoài chủ động sản xuất nguồn lúa giống tại chỗ 660 ha, huyện đã liên kết với các doanh nghiệp để sản xuất và tiêu thụ lúa giống, với diện tích 54 ha, sản lượng 362 tấn, giá trị 1,92 tỷ đồng.

- Các loại cây có múi, cây ăn quả ở vùng gò đồi, các mô hình cây trồng mới được ưu tiên chỉ đạo phát triển có quy mô tập trung, sản xuất theo hướng sản phẩm sạch, sản phẩm dùng làm dược liệu... tiếp tục cho kết quả tốt, làm cơ sở để nhân rộng trong thời gian tới. Đến nay, cây cam trồng tập trung 60,5 ha, trong đó 12ha đã và đang cho thu hoạch (*giá trị 300 triệu đồng/ha*), hiện đang quy hoạch, phân lô trồng cam kết hợp dịch vụ sinh thái tại vùng Khe Khê, xã Hải Phú với diện tích 131 ha, thu hút doanh nghiệp vào đầu tư mô hình hữu cơ trình diễn gắn với phát triển dịch vụ khu vực La Vang. Diện tích trồng cây tiêu 71 ha, trong đó 65 ha đã cho thu hoạch, năng suất đạt 5,5 tạ/ha. Cây cao su duy trì 211,7 ha, trong đó có 30 ha đến thời kỳ khai thác mủ.

- Cây hàng năm khác: Cây sắn 1.398,6 ha, khoai các loại 662,4 ha, ngô 436,9 ha, lạc 358,3 ha. Rau các loại 590,3 ha (*trong đó: Dưa các loại 185,9 ha; nếm 182,6 ha, chủ yếu trồng tập trung ở vùng cát*); đậu các loại 357,8 ha; cây ớt 100,3 ha; cây hàng năm khác (*vùng, sả, sen...*) 110,2 ha.

- Trước tình hình giá cả gia súc, gia cầm biến động mạnh, huyện không khuyến khích tăng tổng đàn và chỉ đạo nuôi theo hướng hữu cơ, sử dụng kết hợp thức ăn công nghiệp phối trộn với phụ phẩm nông nghiệp và chú trọng vấn đề vệ sinh môi trường. Đến nay, có 02 mô hình chăn nuôi lợn gia công tại Hải Phú quy mô 1.200 lợn thịt/lứa và tại Hải Thượng quy mô 700con/lứa; có 75 mô hình chăn nuôi quy mô trên 100 con/lứa, trong đó có 57 mô hình xa khu dân cư; có 623 hộ chăn nuôi lợn sử dụng hầm khí biogas, tăng 53 hầm. Tổng đàn lợn 44.195 con, đạt 71,3%KH, giảm 1.179 con; đàn bò 6.231 con, đạt 73,3%KH, giảm 839 con (*trong đó: bò lai 4.678 con, đạt 88,3%KH, tăng 328 con*); đàn trâu 1.742 con, đạt 67%KH, giảm 675 con; đàn dê 904 con, đạt 100,4%KH, giảm 28 con; đàn gia cầm 564 ngàn con, đạt 95,6%KH, tăng 5.200 con. Tổng sản lượng thịt hơi các loại 8.018,5 tấn, đạt 89,1%KH, tăng 208,5 tấn; trong đó thịt lợn hơi 5.231,0 tấn, giảm 1.113,0 tấn. Công tác tiêm phòng, kiểm dịch, vệ sinh thú y được triển khai khá tốt.

- Phát triển thêm 12,4 ha nuôi cá thâm canh, bán thâm canh, đưa tổng diện tích nuôi cá nước ngọt đạt 470,4 ha, đạt 99,9%KH; có 187 lồng nuôi cá, tăng 25 lồng, trong đó có 63 lồng cá chình, tăng 11 lồng. Sản lượng nuôi thủy sản 746 tấn, đạt 98,2%KH, tăng 30 tấn. Nuôi tôm công nghiệp 91,7 ha, đạt 76,4%KH, tăng 4,7 ha; sản lượng 1.250 tấn, đạt 54,3%KH, tăng 240 tấn. Hoạt động đánh bắt, khai thác hải sản ổn định, đến nay, có 596 chiếc ghe thuyền, sản lượng khai thác hải sản 3.600 tấn, đạt 105,9%KH, tăng 300 tấn; trong đó hải sản có giá trị xuất khẩu 1.200 tấn, đạt 160%KH, tăng 359 tấn.

- Chỉ đạo các xã xây dựng và quản lý, sử dụng có hiệu quả quỹ phát triển rừng. Tăng cường công tác bảo vệ và PCCCR, trong năm không có vụ cháy rừng và vi phạm lâm luật nào xảy ra. Tiếp tục chỉ đạo trồng rừng theo hướng thâm canh; kiểm tra, giám sát khai thác, trồng lại khoảng 1.500 ha rừng sản xuất và trên 14 vạn cây phân tán. Sản lượng khai thác gỗ 123.000 m<sup>3</sup>; sản lượng nhựa thông 115 tấn. Tỷ lệ che phủ rừng ổn định 47,1%. Đến nay, có 276,5 ha rừng FSC, tăng 62 ha<sup>1</sup>.

- Kiểm tra, hướng dẫn khắc phục công trình thủy lợi hư hỏng, chủ động triển khai công tác tưới, tiêu phục vụ sản xuất. Phối hợp Xí nghiệp thủy nông Nam Thạch Hãn điều tiết nguồn nước tưới phục vụ sản xuất kịp thời. Giải ngân kinh phí thủy lợi phí cho các đơn vị HTX, THT 6.194,398 triệu đồng. Tổng kết công tác PCTT-TKCN năm 2017 và triển khai phương án, nhiệm vụ công tác PCTT-TKCN năm 2018 ở cấp xã và huyện.

### **1.2. Xây dựng nông thôn mới:**

Tập trung chỉ đạo, hỗ trợ các xã xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch, giải pháp thực hiện đạt các tiêu chí NTM theo lộ trình; chỉ đạo 3 xã (*Hải Thọ, Hải Vĩnh, Hải Dương*) đẩy mạnh thực hiện các tiêu chí để đạt chuẩn NTM vào cuối năm 2018; 02 xã đã đạt NTM từ năm 2015 (*Hải Phú, Hải Thượng*) phát động xây dựng xã NTM kiểu mẫu giai đoạn 2018-2020. Đến cuối năm 2018, có toàn huyện có 9 xã đạt chuẩn NTM, các xã còn lại đều đạt từ 10 tiêu chí trở lên; bình quân mỗi xã đạt 15,47 tiêu chí. Sáu nội dung về thực hiện Chủ đề “*Chinh trang nông thôn*”, xây dựng “*Tuyến đường kiểu mẫu*”, “*Ngày NTM*”, xây dựng “*Thôn NTM*”, “*Gia đình NTM*” theo tiêu chí của huyện được triển khai thực hiện tích cực, hiệu quả, từng bước tạo bộ mặt nông thôn khởi sắc. Tổ chức sơ kết phong trào chung sức xây dựng NTM giai đoạn 2016-2020; tổng kết công tác xây dựng NTM năm 2018, triển khai nhiệm vụ 2019...

### **2. Phát triển kinh tế tập thể và tư nhân:**

Tiếp tục chỉ đạo các HTX mạnh dạn thực hiện các dịch vụ mang tính kinh doanh thương mại tổng hợp, từng bước xây dựng HTX thực sự là HTX kiểu mới theo Luật HTX 2012. Chỉ đạo chuyển đổi 3 HTX sang THT (*HTX Bà Du, HTX Đa Nghi, HTX chổi đót Văn Phong*); thành lập mới 35 THT sản xuất, kinh doanh dịch vụ theo hướng chuyên sâu (*trồng sen, nuôi cá, nuôi gà...*). Chỉ đạo tăng cường công tác hướng dẫn, kiểm tra chân chính tình hình quản lý tài chính của các HTX nông nghiệp được huyện kiểm tra, thanh tra.

Đăng ký kinh doanh cho 163 hộ cá thể, đưa tổng số đã đăng ký kinh doanh 2.417 hộ.

### **3. Công nghiệp - Tiểu thủ công nghiệp:**

Một số doanh nghiệp trên địa bàn gặp khó khăn trong sản xuất, kinh doanh nên tổng giá trị sản xuất CN-TTCN năm 2018 chỉ được 1.402 tỷ đồng, đạt 80,25% KH, tăng 119 tỷ đồng. Số cơ sở CN-TTCN 2.052 cơ sở, đạt 102,9%KH, tăng 57 cơ sở; tổng số lao động tham gia 5.320 lao động, đạt 98,1 %KH, tăng 483 lao động. Sản lượng một số sản phẩm tăng như: Tinh bột sắn, nước mắm, rượu các loại, chổi đót, gạch tuynen, nhuộm<sup>2</sup>; sản lượng

<sup>1</sup> Hải Phú 29,5ha ; Hải Lâm 30 ha.

<sup>2</sup> Tinh bột sắn đạt 13.150 tấn (101,15%KH), tăng 150 tấn; nước mắm 900 nghìn lít (103,45%KH), tăng 30 nghìn lít; rượu các loại 1700 nghìn lít (101,83%KH), tăng 30 nghìn lít, chổi đót 350.000 cái, (106,06%KH), tăng 25 nghìn cái, gạch tuynen 39.000 nghìn viên (111,43%KH), tăng 4.500 nghìn viên, nhuộm 2.000 tấn (111,11%KH), tăng 200 tấn.

một số sản phẩm giảm như: Cát thạch anh, Máy nông -lâm-ngư-cơ, Áo quần của Công ty Phong Phú, Dăm gỗ, giấy tái chế<sup>3</sup>.

Hoàn thành điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch CN-TTCN huyện đến năm 2020, định hướng đến năm 2030. Thu hút mới 03 dự án đăng ký đầu tư vào cụm công nghiệp<sup>4</sup> với tổng số vốn hơn 23 tỷ đồng. Thông qua danh mục và phê duyệt hỗ trợ đề án theo chính sách khuyến khích phát triển TTCN, TMDV trên địa bàn huyện giai đoạn 2017-2020. Xây dựng, hoàn thiện kế hoạch nâng cao hiệu quả hoạt động và quy mô, chất lượng sản phẩm các nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống trên địa bàn huyện. Triển khai điều chỉnh quy hoạch chi tiết Cụm công nghiệp Diên Sanh, Cụm công nghiệp Hải Thượng và cấm mốc quy hoạch chi tiết Cụm công nghiệp Hải Chánh. Hoàn thành dự án xây dựng hệ thống xử lý nước thải Cụm công nghiệp Diên Sanh, hiện đang trình UBND tỉnh phê duyệt.

Tổ chức bình chọn sản phẩm tiêu biểu của huyện lần thứ Nhất năm 2018<sup>5</sup> và tham gia bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu tỉnh lần thứ 4 năm 2018<sup>6</sup>.

#### **4. Thương mại-Dịch vụ, Giao thông vận tải:**

Tổng doanh thu hàng hóa bán lẻ tiêu dùng và dịch vụ 2.522 tỷ đồng, đạt 100,16%KH, tăng 485 tỷ đồng; số hộ kinh doanh TM-DV 4.144 hộ, đạt 100,02%KH, tăng 52 hộ; số lao động làm việc 5.967 lao động, đạt 100,02%KH.

Hoàn thành điều chỉnh, bổ sung quy hoạch phát triển TM-DV trên địa bàn huyện đến năm 2020, định hướng đến năm 2030. Triển khai thực hiện việc chuyển đổi mô hình quản lý, kinh doanh, khai thác chợ trên địa bàn theo kế hoạch của tỉnh, hiện nay đã phê duyệt kế hoạch chuyển đổi mô hình quản lý chợ thị trấn, đến cuối tháng 12/2018 sẽ hoàn thành các chợ còn lại. Nhiều hoạt động thương mại được đẩy mạnh như: Hội chợ thương mại huyện với hơn 200 gian hàng, thu hút gần 50.000 lượt khách; tham gia Hội chợ-Triển lãm Thương mại Du lịch Hướng Hóa, Hội chợ Công Thương khu vực miền Trung-Tây Nguyên Nhip cầu Xuyên Á-Quảng Trị. Tổ chức Hội thảo kết nối cung cầu sản phẩm tiêu biểu năm 2018, kết quả các đơn vị đã ký kết 4 biên bản về tiêu thụ, bao tiêu các sản phẩm: Chè vàng Hải Lăng (HTX Phú Hưng), Ngô (HTX Hậu Trường và HTX Mỹ Trường), Lúa hữu cơ (HTX Diên Khánh), Lúa giống (HTX Cầu Nhi); 03 Biên bản ghi nhớ với các doanh nghiệp đối với sản phẩm: Ném vùng cát Hải Lăng, Tiêu sạch, Cam K4. Triển khai xây dựng thương hiệu gạo Hải Lăng. Phê duyệt và triển khai 04 Đề án: Xây dựng đăng ký nhãn hiệu và phát triển thương hiệu đối với sản phẩm Bánh lọc Mỹ Chánh, Mứt gừng Mỹ Chánh, Chối đốt Văn Phong, Rượu Kim Long. Chỉ đạo triển khai các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động theo hướng tự chủ đối với BQL Khu du lịch sinh thái Trà Lộc, bãi tắm Mỹ Thủy.

Thường xuyên kiểm tra, kịp thời sửa chữa, khắc phục các hư hỏng đảm bảo giao thông một số tuyến đường thuộc huyện quản lý theo kế hoạch.

#### **5. Quy hoạch, xây dựng-đô thị:**

Chỉ đạo triển khai đồng bộ các giải pháp phát triển kinh tế-xã hội thị trấn đến năm 2020 theo Nghị quyết 02 của Huyện ủy. Hoàn thành việc lập và phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết các Khu đô thị trên địa bàn thị trấn và các điểm dân cư nông thôn. Chỉ đạo lập quy hoạch chi tiết: khu TMDV ngã tư La Vang; Khu TMDV và dân cư xã Hải Trường; quy

<sup>3</sup> Cát thạch anh 280 nghìn tấn (93,33%KH), máy nông lâm ngư cơ 600 cái (75%KH); Giấy tái chế 10 tấn (25%KH), Áo quần Phong Phú 1.670 nghìn cái (73,57%KH) Dăm gỗ 110.000 tấn (78,57%KH).

<sup>4</sup> Nhà máy chế biến lâm sản của Công ty Cổ phần chế biến gỗ Hải Lăng đăng ký đầu tư vào CCN Hải Chánh, diện tích đất xin thuê khoảng: 14.950m<sup>2</sup>, tổng số vốn đăng ký đầu tư: 10.000 triệu đồng, dự kiến thu hút 50 lao động. Nhà máy sản xuất gạch Terrazzo, sản xuất và mua bán của nhựa nhôm và gia công các sản phẩm cơ khí của Công ty TNHH MTV Thuận Tín đăng ký và đầu tư tại CCN Hải Thượng, diện tích đất xin thuê khoảng: 4435m<sup>2</sup>, tổng số vốn đăng ký đầu tư: 4.937.150.000 đồng, dự kiến thu hút 30 lao động. Nhà máy chế biến gỗ của Công ty TNHH Ngọc Tâm My đầu tư vào Cụm CN Hải Chánh, diện tích đất xin thuê 11.116m<sup>2</sup>, vốn đăng ký 7.683.340.000 đồng, dự kiến thu hút 25 lao động.

<sup>5</sup> Kết quả, có 28 SP công nhận sản phẩm tiêu biểu: 02 sản phẩm đạt giải Nhất, 04 sản phẩm đạt giải Nhì, 06 sản phẩm đạt giải Ba, 08 sản phẩm đạt giải Khuyến khích, 08 SP được chứng nhận sản phẩm tiêu biểu huyện năm 2018.

<sup>6</sup> Kết quả, có 04 sản phẩm được công nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu: Nón lá Trà Lộc, Chối đốt Văn Phong, Gạo Bò Đê 688-X2, Tinh dầu trầm Bảo Ngọc.

hoạch hạ tầng kỹ thuật theo hướng mở rộng thị trấn. Hoàn thành việc cắm mốc giới đô thị khu vực La Vang để tăng cường công tác quản lý và lập các dự án thu hút đầu tư.

Kịp thời phân bổ kế hoạch vốn XDCB năm 2018 cho các đơn vị, địa phương và chỉ đạo, đôn đốc triển khai thực hiện. Trong đó:

- Nguồn vốn ngân sách TW, các CTMT Quốc gia, trái phiếu Chính phủ đã bố trí: 82,143 tỷ đồng. Trong đó: phân bổ 53 tỷ đồng tập trung cho các dự án: Khu tái định cư Hải Khê và đường vào khu tái định cư; dự án Đường Ngô Quyền, cầu Quy Thiện và đoạn còn lại đường Xuân-Quy-Vĩnh. Phân bổ 9 tỷ đồng đầu tư xây dựng các công trình trường học: Trường MN và Trường TH 2 xã Hải An, Hải Khê. Phân bổ 12,2 tỷ đồng nguồn vốn NTM cho các xã. Phân bổ 2,33 tỷ cho 2 xã vùng biển thực hiện chương trình giảm nghèo, dự kiến giải ngân 82.142,7 triệu đồng, đạt 100%KH.

- Nguồn ngân sách tỉnh bố trí: 21,194 tỷ đồng, dự kiến giải ngân đạt 100%KH. Trong đó, phân bổ 17,702 tỷ đồng cho 2 công trình hoàn thành, 8 công trình chuyển tiếp và 2 công trình khởi công mới. Còn lại 3,492 tỷ đồng phân bổ cho các xã thực hiện XD NTM.

- Nguồn NS tỉnh phân cấp huyện quản lý: 9,06 tỷ đồng để bố trí cho các công trình khởi công mới, dự kiến giải ngân đạt 100%KH.

- Nguồn đầu giá QSD đất: 28 tỷ đồng để bố trí 03 công trình hoàn thành, 11 công trình chuyển tiếp và bố trí 8 công trình khởi công mới. Hiện nay các công trình đã thực hiện đúng tiến độ, dự kiến phân bổ 24 tỷ đồng đạt 85,7%KH.

Ước giá trị XDCB đầu tư trên địa bàn đạt 238,098 tỷ đồng. Trong đó: khối lượng chuyển tiếp 117,613 tỷ đồng, khối lượng xây dựng mới 120,458 tỷ đồng; nguồn vốn NSNN các cấp 158,539 tỷ đồng, các nguồn tài trợ, huy động khác 79,558 tỷ đồng.

### **6. Tài chính tín dụng:**

Chỉ đạo quyết liệt công tác thu ngân sách ngay từ đầu năm gắn với điều hành ngân sách chặt chẽ, tiết kiệm. Tổng thu NSNN cả năm ước đạt 482.411,61 triệu đồng, đạt 132%KH, bằng 99,71% năm trước. Trong đó, thu trên địa bàn ước đạt 67.800,0 triệu đồng, đạt 100%KH, bằng 82,26% năm trước.

Công tác chỉ đạo chỉ được thực hiện chặt chẽ, đảm bảo theo dự toán đầu năm và bổ sung chế độ phát sinh kịp thời. Tổng chi NSNN 478.104,7 triệu đồng, đạt 131%KH, bằng 102% năm trước. Trong đó: chi đầu tư phát triển 73.840 triệu đồng, đạt 202% KH, bằng 94,5% năm trước; chi thường xuyên 384.562,7 triệu đồng, đạt 118%KH, bằng 105,1% năm trước.

Hoạt động tín dụng, ngân hàng ổn định. Tổng vốn huy động trên địa bàn năm 2018 ước đạt 199,85 tỷ đồng. Tổng dư nợ của các tổ chức tín dụng 1.126,22 tỷ đồng, tăng 136,55 tỷ đồng, trong đó dư nợ cho vay phát triển sản xuất 725,08 tỷ đồng.

## **III. VĂN HÓA - XÃ HỘI:**

### **1. Giáo dục-Đào tạo:**

Chất lượng giáo dục ở các cấp học không ngừng được nâng cao, tỉ lệ huy động học sinh đạt cao hơn so với kế hoạch<sup>7</sup>. Duy trì kết quả phổ cập xóa mù chữ, phổ cập giáo dục Mầm non cho trẻ em 5 tuổi, giáo dục tiểu học, giáo dục THCS với 100% xã, thị trấn đạt chuẩn, phổ cập giáo dục bậc trung học đạt 55%.

Tổng kết năm học 2017-2018, tỷ lệ trẻ đạt yêu cầu 98,5%; học sinh tiểu học hoàn thành chương trình lớp học đạt 99,5%; học sinh khá, giỏi bậc THCS đạt 64,4%, THPT đạt 57,4%. Kết quả tốt nghiệp các cấp học: Tiểu học đạt 99,9%, THCS đạt 99,8%, THPT đạt 95,9%. Chất lượng học sinh giỏi giữ vững tốp đầu của tỉnh. Huy động các nguồn lực để đầu tư xây dựng trường chuẩn quốc gia (27/42 trường đạt chuẩn, đạt 63,4%), trường kiểu mẫu ở các xã và trường chất lượng cao ở thị trấn. Rà soát, điều chỉnh mạng lưới trường lớp, đến

<sup>7</sup> Tỷ lệ huy động vào nhà trẻ đạt 38,8% (KH 37,5%), mẫu giáo 95,7% (KH 95,5%), mẫu giáo 5 tuổi 100%; trẻ em 6 tuổi vào lớp 1 đạt 100%, học sinh hoàn thành chương trình tiểu học vào lớp 6 đạt 99,3% (KH 99,3%).

nay đã hoàn thành việc sáp nhập các trường tiểu học và THCS trên địa bàn huyện (từ 40 trường còn 19 trường).

\* Công tác GDNN-GDTX được chỉ đạo triển khai thực hiện tích cực. Tổ chức Hội nghị sơ kết 8 năm thực hiện Đề án 374 về đào tạo nghề cho LĐNT; Hội nghị về nâng cao chất lượng ĐTN và PLHS... Chỉ đạo tổ chức truyền thông về phân luồng học sinh với chủ đề: “Chọn đúng nghề-sáng tương lai” tại xã các xã, thị trấn và 3 trường THPT với hơn 5.000 phụ huynh, học sinh tham gia. Thực hiện công tác tuyển sinh vừa học văn hóa vừa học nghề, liên kết đào tạo, đào tạo nghề cho học sinh thông<sup>8</sup>. Chỉ đạo tổ chức 19 lớp đào tạo nghề cho 467 LĐNT; duy trì 17 lớp trung cấp nghề miễn phí cho 570 LĐNT... góp phần đưa tỷ lệ lao động qua đào tạo toàn huyện đến nay đạt 53% (KH 53%), trong đó, lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ nghề đạt 35% (KH >34%).

## 2. Văn hóa và Thông tin - Thể thao:

Chỉ đạo tuyên truyền, tổ chức các hoạt động chào mừng các ngày lễ, các sự kiện lớn của quê hương, đất nước. Tiếp tục phát huy hiệu quả, tăng cường số lượng, chất lượng tin, bài, phóng sự trên hệ thống truyền thanh, trang thông tin điện tử huyện<sup>9</sup>.

Tiếp tục thực hiện tốt phong trào “TĐĐKXDĐSVH” gắn với xây dựng NTM và đô thị văn minh. Xây dựng và triển khai kế hoạch làng, thôn, khóm, cơ quan, đơn vị, văn hóa tiêu biểu. Đến nay, có 97/98 làng, thôn, khóm, đạt 98,9% (KH 98,9%); 138/138 KH 100%) cơ quan, đơn vị đạt danh hiệu văn hóa; 9/19 xã đạt “xã Đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới” đạt tỷ lệ 47,3% (KH 42%). Tỷ lệ gia đình văn hóa 92% (KH 92%). Tỷ lệ người dân rèn luyện TDTT đạt 36,2% (KH 36,2%); hộ gia đình rèn luyện TDTT thường xuyên đạt 23% (KH 23%). Phối hợp BQL di tích tỉnh hoàn thành hồ sơ đề nghị tỉnh cấp giấy CNQSD đất và thủ tục pháp lý cho 27 di tích để làm tốt công tác quản lý.

## 3. Chăm sóc sức khỏe nhân dân, dân số-KHHGD:

Triển khai thực hiện tốt các chương trình y tế Quốc gia. Duy trì vững chắc kết quả xã đạt chuẩn Quốc gia về y tế với 17/20 xã, đạt 85%. Toàn huyện có 12 trạm y tế có Bác sỹ, đạt 60% (KH 60%). Tỷ lệ người dân tham gia BHYT đạt 88% (KH 85%), trong đó: 02 xã Hải An, Hải Khê đạt 100%; tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi SDD 5,9% (KH 5,9%). Tỷ lệ sinh con thứ 3 còn 16% (KH 16%), tỷ lệ tăng dân số tự nhiên 0,85% (KH dưới 1%); giảm tỷ suất sinh 0,3‰ (KH 0,3-0,4‰).

Tổ chức khám chữa bệnh cho 50.383 lượt bệnh nhân, đạt 105% KH (tuyên huyện) và 87.361 lượt bệnh nhân, đạt 116,5%KH (tuyên xã). Điều trị ngoại trú 3.998 lượt bệnh nhân, đạt 145,4%KH; điều trị nội trú 6.464 lượt bệnh nhân, đạt 80,8%KH. Tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho học sinh các trường theo quy định. Trong năm đã tổ chức được 04 đợt hiến máu tình nguyện, thu được 1.172 đơn vị máu, đạt 111,6% KH do BCĐ vận động HMTN tỉnh giao và đạt 106,5% KH của BCĐ vận động HMTN huyện.

Tổ chức kiểm tra ATTP tại 47 cơ sở trong dịp Tết nguyên đán Mậu Tuất, 42 cơ sở trong “Tháng hành động vì ATTP”; qua kiểm tra đã phát hiện và xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm. Chỉ đạo cấp 402 giấy chứng nhận kinh doanh thực phẩm, dịch vụ ăn uống; trong đó, ở huyện cấp 97 giấy, đạt 91,5%KH; cấp xã 305 giấy, đạt 75,6%KH.

Chỉ đạo triển khai chiến dịch truyền thông lồng ghép cung cấp dịch vụ chăm sóc SKSS/KHHGD tại 12 xã; phát động xây dựng 4 thôn không có người sinh con thứ 3 trở lên; thành lập 04 Câu lạc bộ “Người cao tuổi giúp người cao tuổi” và 20 CLB Tiên hôn nhân.

**4. Công tác chính sách xã hội, XĐGN, GQVL, chăm sóc trẻ em:** Tiếp tục thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội. Thụ lý và chuyển Sở LĐ-TB&XH 462 hồ sơ chính sách người có công cách mạng. Thăm, tặng quà cho các gia đình chính sách nhân dịp Tết

<sup>8</sup> Tuyển sinh 70 em học sinh lớp 10 vừa học văn hóa, vừa học nghề; 68 lớp với 2.088 học sinh học nghề phổ thông. Thi tốt nghiệp nghề phổ thông khối 8: 1.363 em; khối 11: 941 em...

<sup>9</sup> Trong năm đã thực hiện 12 số chuyên mục “Hải Lăng ngày mới”; 150 chương trình phát thanh; tiếp âm Đài PTTH tỉnh, Đài Tiếng nói Việt Nam 1.700 giờ; đăng hơn 300 tin/bài trên Trang TTĐT huyện.

Mậu Tuất 1,7 tỷ đồng; tổ chức các hoạt động kỷ niệm 71 năm ngày TBLS 1,13 tỷ đồng. Vận động Quỹ ĐOÀN huyện 750 triệu đồng, đạt 100%KH, Quỹ vì người nghèo 2,8607 tỷ đồng, Quỹ BTTE huyện 384 triệu đồng, đạt 100%KH. Xây dựng 12 nhà tình nghĩa 640 triệu đồng. Hỗ trợ xây mới 42 nhà, sửa chữa 356 nhà cho người có công cách mạng theo Quyết định 22, tổng kinh phí 9,01 tỷ đồng; UBMT đã kêu gọi hỗ trợ 1,73 tỷ đồng để tu sửa 58 nhà ở và 1,338 tỷ đồng để xây dựng mới 37 nhà ở cho hộ nghèo, cận nghèo.

Công tác XKLD, giải quyết việc làm và giảm nghèo bền vững tiếp tục đạt được kết quả tích cực. Trong năm có 220 lao động xuất cảnh, đạt 147%KH (KH 150); tạo việc làm mới cho khoảng 1.000 lao động (KH 1.000-1.200). Chỉ đạo triển khai đồng bộ, quyết liệt các giải pháp giảm nghèo bền vững, kết hợp hỗ trợ phát triển sản xuất với chính sách ưu đãi tín dụng, tập huấn và chuyển giao công nghệ cho các hộ đăng ký thoát nghèo năm 2018; đến nay, tỷ lệ hộ nghèo giảm còn 5,86% (năm 2017 là 6,78%).

Triển khai thực hiện tốt công tác bảo trợ xã hội; bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em; cấp thẻ BHYT cho các đối tượng hộ nghèo, cận nghèo, BTXH và trẻ em dưới 6 tuổi...

#### **IV. KHOA HỌC CÔNG NGHỆ, TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG:**

##### **1. Khoa học công nghệ:**

Đẩy mạnh thực hiện CTHĐ của Huyện ủy và kế hoạch của UBND huyện về phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp CNH, HĐH trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng XHCN. Phối hợp với Sở KH-CN đăng ký nhãn hiệu nước mắm Mỹ Thủy. Triển khai thực hiện kế hoạch kiểm tra đo lường, chất lượng hàng hóa, kiểm định các phương tiện đo tại các chợ, các cơ sở sản xuất kinh doanh. Triển khai các ứng dụng tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất như: Mô hình sản xuất lúa hữu cơ, mô hình sản xuất rau dưa sử dụng công nghệ cao, mô hình trồng cây dược liệu. Tập huấn chữ ký số, tập huấn ứng dụng CNTT năm 2018 theo kế hoạch của tỉnh.

##### **2. Tài nguyên - môi trường, phát triển quỹ đất và giải phóng mặt bằng:**

###### **2.1. Tài nguyên-Môi trường:**

Tăng cường công tác quản lý nhà nước về đất đai nhất là đối với khu vực Quy hoạch Khu kinh tế Đông Nam, khu vực Quy hoạch đô thị nhà thờ La Vang và thị trấn Hải Lăng. Hoàn thành quy hoạch sử dụng đất năm 2018 của huyện và tổ chức công bố, công khai theo quy định. Nhận diện vùng quy hoạch để thu hút dự án đầu tư, phát triển hạ tầng khu công nghiệp, khu đô thị (VSIP) với diện tích 500 ha (Hải Thọ, Hải Trường).

Đẩy nhanh cấp giấy CNQSDĐ cho các thửa đất chưa được cấp giấy lần đầu, đất cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng; trong năm đã cấp thêm 677 giấy, nâng tổng số thửa đã được cấp giấy là 103.155/ 103.517 thửa, đạt 99,65%; hoàn thành cấp giấy cho 69/70 cơ sở tôn giáo và 645/663 cơ sở tín ngưỡng. Cấp đổi 95.978/97.090 giấy CN QSD đất theo dự án đa dạng hóa nông nghiệp năm 2006, đạt 98,85%. Chỉ đạo thị trấn tập trung thực hiện công tác cấp đổi giấy CNQSD đất theo số liệu, hồ sơ địa chính mới, đã thực hiện cấp đổi được 83 hồ sơ.

Tổ chức sơ kết 5 năm thực hiện CTHĐ số 64 năm 2014 của Huyện ủy về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường. Ban hành kế hoạch phân loại, xử lý rác thải tại nguồn trên địa bàn toàn huyện. Trong năm có thêm 03 đơn vị, đưa tổng số đến nay có 18/20 xã, thị trấn thực hiện việc vận chuyển rác thải về bãi xử lý tập trung<sup>10</sup>; có 14/20 Trạm Y tế có lò đốt rác thải y tế; duy trì hoạt động 75 tổ thu gom rác thải ở các xã... đến nay, tỷ lệ thu gom chất thải rắn 89,92% (KH 89). Tỷ lệ hộ sử dụng nước sạch, nước hợp vệ sinh đạt 99,71% (KH 99,7%), trong đó, tỷ lệ hộ sử dụng nước máy 46,14% (KH 50%); tỷ lệ hộ có hồ xí tự hoại, bán tự hoại 95,55% (KH 95,5%).

Giám sát quan trắc môi trường Cụm công nghiệp Diên Sanh và Cụm CN Hải Thượng, đánh giá tác động môi trường Cụm công nghiệp Hải Chánh. Giám sát nước thải Dự án Cụm liên hợp dệt - nhuộm - may của Công ty TNHH Dệt may VTJ Toms... Tăng cường kiểm tra

<sup>10</sup> còn 2 xã: Hải An, Hải Khê



chấn chỉnh tình trạng khai thác khoáng sản, đất làm vật liệu san lấp trái phép. Tiến hành kiểm tra, xử lý trường hợp vi phạm hoạt động khai thác cát, sỏi trên sông.

Chỉ đạo quán triệt, triển khai thực hiện có hiệu quả Kết luận số 86-KL/TU ngày 05/7/2018 của BTV Tỉnh ủy về tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo lĩnh vực tài nguyên môi trường. Xây dựng kế hoạch, giải pháp khắc phục những khuyết điểm trong công tác quản lý nhà nước về tài nguyên, khoáng sản, bảo vệ môi trường theo Thông báo số 68-TB/UBKTTU ngày 21/6/2018 của UBKT Tỉnh ủy.

## **2.2. Phát triển quỹ đất và giải phóng mặt bằng:**

- Chỉ đạo đẩy mạnh đấu giá QSDĐ năm 2018; xử lý các lô đất đã qua 02 lần đấu giá nhưng không có người tham gia đấu. Đã tổ chức đấu giá QSD đất được 167 lô, kinh phí 27.122.159.000 đồng, đạt 96,86%KH. Tiếp tục tổ chức đấu giá QSD đất các lô đất tại Khu đô thị đường Lê Thị Tuyết (đợt 2) và KĐT phía Đông đường Nguyễn Huệ (34 lô tại Khu D) và Khu dân cư nông thôn xã Hải Sơn (14 lô đất), dự báo đến cuối năm sẽ vượt KH đề ra.

- *Tình hình GPMB triển khai các dự án tại Khu Kinh tế Đông Nam và các dự án trên địa bàn huyện:* Tập trung triển khai thực hiện công tác GPMB các công trình trọng điểm thuộc Khu kinh tế Đông Nam. Đến nay, tiến độ thực hiện Nhà máy Nhiệt điện 1 diện tích 178,25ha (gồm 158 nhà ở, 15 cơ sở thờ tự, 93 lãng xây, 701 mô mã, 45 hồ tôm), dự kiến trong năm 2018 hoàn thành phương án GPMB, báo cáo UBND tỉnh. Khu tái định cư Hải Khê quy hoạch 50ha, đến nay đã cơ bản hoàn thành GPMB. Dự án Đường trục dọc qua địa bàn huyện dài 9,443km, diện tích thu hồi đất các loại khoảng 51,85 ha; đến nay, đã bàn giao mặt bằng toàn tuyến cho BQL khu Kinh tế tỉnh. Ngoài ra, đã chỉ đạo GPMB đôi với một số công trình trọng điểm trên địa bàn<sup>11</sup>.

## **V. CÔNG TÁC XÂY DỰNG CHÍNH QUYỀN VÀ THỰC THI PHÁP LUẬT:**

### **1. Công tác tổ chức, xây dựng chính quyền, thi đua-khen thưởng:**

Thực hiện kịp thời, đúng quy định công tác quy hoạch, bổ nhiệm, tuyển dụng, điều động, biệt phái, thôi việc, nghỉ hưu, tiền lương đối với CBCC, VC. Tập trung chỉ đạo thực hiện tốt Đề án số 1322/ĐA-UBND ngày 15/6/2018 của UBND tỉnh về sắp xếp, tổ chức lại các đơn vị hành chính cấp xã, thôn, bản, khu phố, cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập<sup>12</sup>. Thực hiện giải thể, hợp nhất các tổ chức hội cấp huyện, giảm từ 15 hội xuống còn 9 hội; chỉ đạo, hướng dẫn hợp nhất các hội cấp xã.

Thực hiện đối soát nội, ngoại nghiệp ranh giới hành chính biên đảo theo dự án 513; cắm mốc và ký xác nhận hồ sơ bản đồ gốc ngoại nghiệp, sơ đồ mốc các tuyến ĐGHG đã thống nhất. Tập trung chỉ đạo giải quyết các điểm tranh chấp địa giới hành chính trên địa bàn huyện. Tăng cường công tác QLNN về tôn giáo. Thường xuyên theo dõi chỉ đạo các hoạt động tôn giáo, tín ngưỡng theo pháp luật.

Triển khai thực hiện các phong trào thi đua yêu nước và kịp thời đề xuất, khen thưởng cho các tập thể, cá nhân trên các lĩnh vực.

### **2. Công tác tư pháp, thi hành án dân sự:**

Xây dựng và triển khai kế hoạch công tác tư pháp năm 2018. Tổ chức tập huấn nâng cao nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ Tư pháp-Hộ tịch các xã, thị trấn. Tăng cường công tác

<sup>11</sup> Mạch 2 đường dây 220kv Đông Hà - Huế đoạn qua huyện Hải Lăng; Đường Ngô Quyền, cầu Quy Thiện và đoạn còn lại tuyến đường Xuân - Quy - Vĩnh; KDC Hải Thượng; KDC Vũng Chai, xã Hải Thọ (giai đoạn 2); KDC Hải Hòa; KDC Hải Thiện; Nâng cấp, mở rộng đường Ngô Quyền (đoạn từ cơ quan Huyện ủy đến đường tránh lũ); CSHT khu phát triển TTCN-Dịch vụ và Thể thao phía Tây Bắc đường Hùng Vương; Nâng cấp, mở rộng đường Bùi Dục Tài (đoạn từ 3/2 đến đường tỉnh 582B); KĐT phía Đông đường Nguyễn Huệ (giai đoạn 1); Khu dân cư nhóm 2. Chỉ đạo bước đầu tiên công tác khảo sát, lập phương án GPMB công trình: Đường dây 500kv Quảng Trạch - Đốc Sỏi, cao tốc Cam Lộ - La Sơn, dự án KCN - khu đô thị (VSIP)...

<sup>12</sup> Hoàn thành sáp nhập 21 trường tiểu học, 19 trường THCS thành 19 trường TH&THCS; phối hợp sáp nhập TT DS-KHHGD vào Trung tâm Y tế huyện. Hoàn thành Đề án sáp nhập các đơn vị sự nghiệp công lập: TT Văn hóa, thông tin-TDĐT, TT Dịch vụ nông nghiệp, TT Phát triển CCN và Khuyến công, Ban quản lý dự án đầu tư, xây dựng và phát triển quỹ đất trình Sở Nội vụ thẩm định; hoàn thành Phương án bãi bỏ phòng Y tế huyện trình HĐND huyện thông qua kỳ họp thứ 8. Xây dựng Đề án sáp nhập đơn vị hành chính cấp xã; các thôn, khóm.



tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật<sup>13</sup>. Chọn lọc, biên soạn tài liệu tuyên truyền, phổ biến pháp luật phục vụ nhu cầu tìm hiểu pháp luật của cán bộ, nhân dân. Tích cực triển khai kế hoạch xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật, đến nay có 10/20 xã, thị trấn đạt chuẩn<sup>14</sup>.

Tổng số việc phải thi hành án dân sự 274 việc. Số vụ việc xác định không có khả năng thi hành 59 việc; số vụ việc xác định có khả năng thi hành 215 việc. Đã giải quyết xong 165/215 việc, đạt 77%; thi hành xong 1.460.751.899đ/3.630.564.634đ, đạt 40%; trong đó thu nộp NSNN 197.117.596 đồng; công dân 970.878.508 đồng, đình chỉ 292.846.795 đồng.

### 3. Công tác thanh tra, tiếp dân, giải quyết KNTC và PCTN:

Triển khai thực hiện tốt kế hoạch phòng, chống tham nhũng. Kế khai, minh bạch tài sản, thu nhập đối với CBCC đảm bảo theo đúng quy định<sup>15</sup>. Hoàn thành 04 cuộc thanh tra (đợt xuất 02, theo kế hoạch 02). Số đơn vị được thanh tra: 05 đơn vị, tổng số sai phạm đã có kết luận: 05 đơn vị; kiến nghị thu hồi: 147.557.911 đồng<sup>16</sup>, có dấu hiệu tham ô 765.619.200đ<sup>17</sup>, vụ việc đã chuyển sang Công an huyện thụ lý điều tra theo quy định.

Tiếp công dân 166 lượt/201 người<sup>18</sup>; tổng số đơn thư khiếu nại, tố cáo tiếp nhận 289 đơn/289 vụ việc<sup>19</sup>. Nội dung đơn KNTC, KNPA chủ yếu: việc cấp đất ở, cấp giấy CNQSD đất; bố trí tái định cư sau khi GPMB; phản ánh việc xây dựng âm hồn, mồ mã của người dân làng Ba Khê, xã Hải Thượng tại vùng đất cát thuộc thôn Văn Vận, xã Hải Quý; phản ánh tình trạng khai thác cát; kiến nghị liên quan GPMB thi công công trình tuyên tránh Quốc lộ 1 đoạn qua xã Hải Phú.

Kết quả đã chuyển đơn đến UBND các xã, phòng ban giải quyết theo thẩm quyền 117 đơn, chiếm 79,6% tổng số đơn nhận được (đã giải quyết 105 đơn, đang giải quyết 12 đơn); chỉ đạo các phòng ban tham mưu giải quyết đơn thuộc thẩm quyền 30 đơn, chiếm 20,4%. Đã giải quyết 27 đơn (01 đơn khiếu nại, 26 đơn KNPA), đang giải quyết 3 đơn khiếu nại.

### 4. Thực hiện chủ đề năm 2018 của huyện về tăng cường công tác CCHC:

Công tác CCHC được BCĐ CCHC huyện tích cực chỉ đạo thực hiện với nhiều giải pháp đồng bộ, đạt được kết quả khả quan, làm cơ sở để tiếp tục phát huy trong năm tới.

- Tập trung chỉ đạo thực hiện Đề án nâng cao chất lượng hoạt động Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả huyện, xây dựng kế hoạch nâng cao chất lượng hoạt động Bộ phận một cửa các xã, thị trấn giai đoạn 2018-2020. Bộ phận TN&TKQ huyện đã được cải tạo trụ sở làm việc, đầu tư cơ bản đầy đủ các trang thiết bị, có máy bấm số thứ tự, máy tra cứu kết quả giải quyết hồ sơ, có màn hình theo dõi kết quả; đồng thời, bố trí 3 cán bộ chuyên trách thực hiện tiếp nhận và trả kết quả 100% hồ sơ TTHC từ tháng 6/2018 đến nay; trong năm tiếp nhận 30.208 hồ sơ, tỷ lệ giải quyết đúng hạn là 98,9% (từ 75 thủ tục, 03 lĩnh vực, nay giải quyết 260 thủ tục ở 14 lĩnh vực). Quá trình tiếp nhận, chuyển giao, giải quyết hồ sơ luôn nghiêm túc theo đúng quy định; hướng dẫn tận tình, đầy đủ khi người dân và doanh nghiệp đến giao dịch; kết quả chấm điểm M-Score chung và các chỉ số điểm thành phần hàng tháng đạt 8,6-8,8 điểm (tốp 2 đơn vị điểm cao của tỉnh). Bộ phận một cửa các xã, thị trấn được quan tâm đầu tư về cơ sở vật chất, phòng làm việc theo kế hoạch.

- Triển khai ứng dụng Hệ thống quản lý văn bản, hồ sơ công việc và phần mềm Theo dõi chỉ đạo nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị trong khối hành chính nhà nước qua mạng.

<sup>13</sup> Tổ chức Hội nghị phổ biến: Luật tín ngưỡng, tôn giáo, Nghị định số 162 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật tín ngưỡng, tôn giáo; Bộ luật tố tụng Hình sự; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự năm 2015; Luật Quản lý sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ; Luật trợ giúp pháp lý; Luật Trách nhiệm bồi thường của nhà; Luật Phòng chống tham nhũng...

<sup>14</sup> Hải Phú, Hải Thượng, Hải Lâm, Thị trấn, Hải Tân, Hải Hòa, Hải Quế, Hải Dương, Hải Vĩnh, Hải Thọ.

<sup>15</sup> kết quả có 549 người kê khai/549 người thuộc diện kê khai; trong đó, công khai bằng hình thức niêm yết tại trụ sở 17 người, chiếm 3,1%; tại cuộc họp 532 người, chiếm 96,9%.

<sup>16</sup> Thanh tra đột xuất việc quản lý và sử dụng nguồn kinh phí do NSNN cấp và các khoản thu khác tại HTX DV MIBT thị trấn, kiến nghị thu hồi 102.729.192đ. Thanh tra việc quản lý, sử dụng NS tại UBND xã Hải Chánh, kiến nghị thu hồi 10.740.606đ. Thanh tra QLSD kinh phí hỗ trợ đề bảo vệ và phát triển đất trồng lúa tại UBND xã Hải Dương, Hải Vĩnh, kiến nghị thu hồi 34.088.113đ (tại Hải Dương 25.873.266đ, Hải Vĩnh 8.214.847đ).

<sup>17</sup> Cuộc thanh tra đột xuất việc quản lý tài chính tại HTX Trà Lộc, xã Hải Xuân. Qua thanh tra nhận thấy: ông Cấp Kim Hiệp (Cấp Hiệp), Thủ quỹ HTX Trà Lộc có dấu hiệu tham ô số tiền 765.619.200đ.

<sup>18</sup> Ban Tiếp công dân huyện tiếp 44 lượt/50 người; các xã, thị trấn tiếp 122 lượt/151 người.

<sup>19</sup> Huyện tiếp nhận 147 đơn/147 vụ việc; các xã, thị trấn tiếp nhận 142 đơn/142 vụ việc.

Từ tháng 02/2018 đến nay, thông qua hệ thống này, UBND huyện giao nhiệm vụ cho các cơ quan chuyên môn, đơn vị sự huyện và UBND các xã, thị trấn được chặt chẽ hơn, đảm bảo không sót việc. Ngoài các văn bản giấy, trong năm, UBND huyện đã tiếp nhận và ban hành hơn 6.000 văn bản qua HTQLVB. Giao và theo dõi kết quả 2.145 nhiệm vụ cho các cơ quan, đơn vị huyện và các xã, thị trấn qua phần mềm theo dõi (*cơ quan, đơn vị: 1.001 nhiệm vụ, UBND các xã, thị trấn: 1.144 nhiệm vụ*<sup>20</sup>). Đồng thời, đã thực hiện hoàn thành đảm bảo thời gian, chất lượng các nhiệm vụ UBND tỉnh giao, phấn đấu đến cuối năm 2018, tiếp tục duy trì top 3 đơn vị dẫn đầu về thực hiện nhiệm vụ UBND tỉnh giao.

- Chỉ đạo tất cả các cơ quan, đơn vị huyện và các xã, thị trấn tổ chức việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả theo cơ chế 1 cửa, 1 cửa liên thông; áp dụng triển khai thực hiện phần mềm “Một cửa điện tử” từ tháng 01/2018 đến nay; đồng thời, đã số hóa các TTHC (mức độ 3,4) nên kiểm tra, theo dõi được thuận tiện, bước đầu tạo được sự đồng tình cao trong cán bộ, nhân dân và doanh nghiệp. Chỉ đạo nâng cao chất lượng Trang thông tin điện tử huyện với nhiều chuyên mục mới, các nội dung cơ bản được cập nhật kịp thời, thu hút được nhiều lượt truy cập; từ đầu năm đến nay, tổng lượt truy cập là 275.286 lượt<sup>21</sup> (*năm 2017 là 3.700 lượt*).

- Chỉ đạo đầu tư các trang thiết bị xây dựng hệ thống Hội nghị trực tuyến trên địa bàn huyện với 22 điểm cầu (02 điểm tại huyện, 20 điểm tại trụ sở các xã, thị trấn), với tổng kinh phí gần 600 triệu đồng; đến nay, hệ thống đã vận hành cơ bản ổn định, thành phần dự họp được mở rộng, tiết kiệm được thời gian, chi phí đi lại của cơ sở và giải quyết công việc được kịp thời hơn, mang lại những hiệu quả tích cực cho công tác chỉ đạo, điều hành chung của huyện. Ngoài ra, được sự hỗ trợ của nhà mạng, đã đi vào hoạt động ổn định 24 điểm cầu tại phòng GD&ĐT huyện và các trường, phục vụ tốt cho việc tổ chức thi trực tuyến và hội nghị của ngành giáo dục huyện.

## VI. QUỐC PHÒNG - AN NINH:

Triển khai thực hiện có hiệu quả các nghị quyết, chương trình hành động, kế hoạch của cấp trên và của BTV Huyện ủy về công tác QP-AN. Tổ chức tổng kết 20 năm thực hiện Pháp lệnh BDBP; sơ kết 5 năm thực hiện Chỉ thị 10 của BTV Huyện ủy về tăng cường sự lãnh đạo của cấp ủy đảng đối với công tác tuyển quân; sơ kết 10 năm thực hiện ngày Biên phòng toàn dân; Hội nghị rút kinh nghiệm trong xử lý các tình huống về tình hình ANCT, TTATXH trên địa bàn huyện và triển khai Hiệp đồng xử lý tình huống về ANCT, TTATXH trong dịp Lễ, tết..

Tình hình ANCT-TTATXH ổn định. Công tác đấu tranh phòng chống tội phạm và đảm bảo an toàn giao thông được tăng cường<sup>22</sup>. Công tác huấn luyện, trực sẵn sàng chiến đấu trong các dịp cao điểm lễ, tết và các sự kiện chính trị quan trọng. Chỉ đạo nắm tình hình, giải quyết, xử lý các vụ việc nhạy cảm, phức tạp về ANTT như: vấn đề tranh chấp đất đai, địa giới hành chính, công tác quản lý đất đai và xây dựng trong vùng quy hoạch KKT Đông Nam, việc người dân làng Ba Khê xây dựng âm hôn trên vùng đất cát thuộc làng Văn Vận. Chỉ đạo duy trì hiệu quả hoạt động BCD 138&1325 huyện; đẩy mạnh thực hiện phong trào “Toàn dân bảo vệ ANTQ”, trong đó đã xây dựng mới 16 mô hình tự quản về ANTT. Bố trí 04 cán bộ Công an có trình độ chính quy về làm Trưởng Công an 04 xã, thị trấn.

Nhiệm vụ quốc phòng, quân sự địa phương được triển khai kịp thời, đảm bảo đúng kế hoạch. Hoàn thành diễn tập chiến đấu phòng thủ tại 5 xã Hải Hòa, Hải Khê, Hải Ba, Hải Lâm, Hải Thượng đạt kết quả tốt. Tiến hành động viên 446 QNDB phục vụ diễn tập KVPT tỉnh đạt kết quả cao. Tổ chức giao 139 thanh niên nhập ngũ cho các đơn vị, bảo đảm chất lượng, an toàn. Tiếp tục kiện toàn, củng cố, nâng cao chất lượng hoạt động của BCH Quân sự, Công an xã, lực lượng DQTV, CAV theo nghị quyết chuyên đề số 01 năm 2016 của

<sup>20</sup> Số liệu tính đến 17 giờ ngày 30/10/2018.

<sup>21</sup> Đến ngày 25/11/2018

<sup>22</sup> Vi phạm pháp luật có dấu hiệu tội phạm xảy ra 22 vụ, tăng 01 vụ; trong đó: Cố ý gây thương tích: 06 vụ/10 đối tượng; trộm cắp tài sản: 10 vụ/9 đối tượng; đánh bạc: 04 vụ/19 đối tượng; cưỡng đoạt, chiếm đoạt tài sản: 01 vụ/03 đối tượng; lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản 01 vụ/01 đối tượng. Tai nạn giao thông xảy ra 14 vụ, làm chết 12 người, bị thương 06 người (so với năm 2017 tăng 01 vụ, 03 người chết, giảm 01 người bị thương).

BTV Huyện ủy. Đến nay, tỷ lệ đảng viên trong lực lượng DQTV, dự bị động viên 31,07% (NQ là 35-40%), trong lực lượng công an viên, bảo vệ dân phố 69,91% (NQ là 75-80%).

## **VII. TỒN TẠI, HẠN CHẾ VÀ NGUYÊN NHÂN:**

### **1. Tồn tại, hạn chế:**

- Thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp chưa mạnh, chưa thành lập được nhiều THH tích tụ ruộng đất; chưa thu hút được nhiều doanh nghiệp, vào đầu tư lĩnh vực nông nghiệp. Việc liên doanh, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp chưa nhiều.

- Một số mô hình chuyển đổi sinh kế ở 02 xã vùng biển thiếu bền vững, hiệu quả chưa cao.

- Việc triển khai xây dựng thôn NTM, gia đình NTM theo bộ tiêu chí của huyện tại nhiều xã thiếu tích cực; thực hiện chủ đề chỉnh trang nông thôn, tuyến đường kiểu mẫu, ngày nông thôn mới ở một số đơn vị chững lại, thiếu quyết liệt, chưa phát huy tốt nội lực.

- Lĩnh vực CN, TTCN, TMDV phát triển chưa mạnh, tốc độ tăng trưởng chưa đạt kế hoạch đề ra. Các cơ sở sản xuất TTCN gây tiếng ồn lớn, ảnh hưởng đến môi trường chưa được di dời vào vùng tập trung theo quy hoạch NTM.

- Hoạt động quảng bá, giới thiệu, tiếp cận thị trường, tiêu thụ các sản phẩm có lợi thế cạnh tranh của địa phương còn hạn chế, chủ yếu do cá nhân tự phát, thiếu bền vững.

- Việc nâng cao chất lượng sản phẩm các làng nghề, làng nghề truyền thống còn lúng túng. Xây dựng thương hiệu và tìm đầu ra cho một số sản phẩm nông nghiệp còn chậm.

- Việc xử lý, giải quyết tranh chấp đất đai, địa giới hành chính, xây dựng mô mã, làm nhà trái pháp luật ở một số xã chưa dứt điểm. Công tác thu hồi tiền đền bù thiệt hại sau sự cố môi trường biển chưa hoàn thành.

- Công tác quản lý tài nguyên, khoáng sản và bảo vệ môi trường ở một số đơn vị chưa đảm bảo yêu cầu, cảnh quan môi trường nông thôn còn chưa xanh sạch đẹp.

- Công tác phân loại, thu gom, vận chuyển, xử lý rác còn hạn chế. Một số hố thu gom rác tại một số đơn vị không phát huy hiệu quả. Tình trạng xả rác thải sinh hoạt không đúng nơi quy định tại các khu vực công cộng vẫn còn xảy ra. Tỷ lệ hộ sử dụng nước máy còn thấp so với chỉ tiêu đề ra.

- Công tác quản lý tài chính một số HTX chưa chặt chẽ, nhiều xã chưa thực hiện kiểm tra HTX định kỳ; qua thanh tra, kiểm tra của cơ quan chuyên môn huyện phát hiện sai sót.

- Công tác giải quyết việc làm sau đào tạo nghề hiệu quả chưa cao; công tác giảm nghèo đạt nhiều kết quả nhưng chưa thực sự bền vững.

- Việc chỉ đạo, triển khai công tác CCHC ở một số cơ quan, đơn vị, địa phương hiệu quả chưa cao; công tác kiểm soát TTHC chưa được quan tâm đúng mức; giải quyết TTHC có lúc còn chậm so với giấy hẹn, nhất là lĩnh vực đất đai thuộc Chi nhánh VPĐKĐĐ. Cơ sở vật chất và phòng làm việc của Bộ phận TN&TKQ của một số xã được quan tâm đầu tư nhưng chưa đảm bảo theo chuẩn.

- Một số cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện nhiệm vụ UBND huyện giao có lúc còn chậm, chất lượng chưa đạt yêu cầu.

- Công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật ở một số đơn vị chất lượng chưa cao, nhất là pháp luật về đất đai nên một số người dân có đơn thư nhiều lần, vượt cấp.

- Việc duy trì công tác trực tự vệ và trực bảo vệ cơ quan thiếu thường xuyên nên tình trạng tội phạm trộm cắp có chiều hướng gia tăng. Một số tệ nạn xã hội như tín dụng đen, cờ bạc, lô đề chưa được phát hiện, xử lý, ngăn chặn hiệu quả.

### **2. Nguyên nhân:**

#### **2.1. Nguyên nhân khách quan:**

- Nội lực kinh tế huyện thấp, chất lượng tăng trưởng chưa cao, thiếu bền vững; đời sống nhân dân còn khó khăn, huy động nguồn lực trong dân còn hạn chế; doanh nghiệp bên ngoài vào đầu tư vào địa bàn còn ít...

- Nguồn ngân sách của huyện còn hạn chế, chưa có chính sách đủ mạnh để tái cơ cấu nông nghiệp, đẩy mạnh phát triển CN-TTCN... nhằm tạo đột phá trong phát triển KT-XH.

## **2.2. Nguyên nhân chủ quan:**

- Công tác chỉ đạo điều hành của UBND huyện đối với một số nhiệm vụ còn thiếu quyết liệt, thiếu kiểm tra, đôn đốc.

- Một số cơ quan, đơn vị chưa quyết liệt triển khai các nhiệm vụ chỉ đạo, điều hành, chưa tạo chuyển biến mạnh mẽ trong nội bộ một số ngành, lĩnh vực; thực hiện chương trình công tác trọng tâm và các nhiệm vụ UBND huyện giao còn để chậm, chất lượng chưa cao.

- Công tác chỉ đạo, điều hành nói chung và phát triển sản xuất nói riêng của một số đơn vị còn thiếu quyết liệt; chưa có kế hoạch, giải pháp tích cực và hiệu quả để tổ chức thực hiện; xã hội hóa trong thu hút các nguồn lực đầu tư còn hạn chế. Số lượng và năng lực sản xuất của nhiều doanh nghiệp trên địa bàn còn hạn chế.

- Mọi quan hệ, phối hợp giữa các ngành, các cấp nhiều mặt còn hạn chế. Năng lực thực thi công vụ của một số cán bộ, công chức còn hạn chế, thiếu chủ động nghiên cứu, đề xuất, tham mưu thực hiện nhiệm vụ; thực hiện kỷ luật, kỷ cương hành chính chưa nghiêm.

- Nhận thức và ý thức chấp hành pháp luật của một số người dân còn hạn chế, nhất là trong lĩnh vực ĐGH, đất đai; còn cố tình không chấp hành pháp luật theo phương án giải quyết của chính quyền đối với một số vụ việc cụ thể, cố tình gửi đơn thư vượt cấp và đến cơ quan nhà nước nhiều lần.

## **Phần thứ hai**

### **KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ-XÃ HỘI, QP-AN NĂM 2019**

Năm 2019, là năm có ý nghĩa quan trọng trong việc thực hiện hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XV và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020 đã đề ra. Thực hiện nhiệm vụ phát triển KT-XH, QP-AN năm 2019 dự báo sẽ còn gặp nhiều khó khăn, đòi hỏi các phòng ban cấp huyện, các xã, thị trấn và nhân dân toàn huyện tiếp tục nỗ lực, đoàn kết, thống nhất, đồng thuận, quyết tâm thực hiện thắng lợi các chỉ tiêu, nhiệm vụ theo hướng phát triển toàn diện, đi vào chiều sâu, nâng cao tính bền vững trên các lĩnh vực, trong đó chú trọng Chủ đề năm 2019 của huyện đó là: *“Tích cực huy động mọi nguồn lực đầu tư phát triển CN-TTCN, ngành nghề phi nông nghiệp; xây dựng cơ sở hạ tầng, xây dựng NTM, đô thị văn minh. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát và phản biện”*.

#### **A. CÁC CHỈ TIÊU KT-XH CHỦ YẾU:**

##### **1. Các chỉ tiêu kinh tế:**

- Tốc độ tăng trưởng kinh tế 12-13%. Trong đó: Nông - Lâm - Ngư: 2,5- 3%; CN-TTCN và XD: 17-18%; Các ngành dịch vụ: 15-16%. (Cơ cấu giá trị sản xuất các ngành kinh tế: Nông-Lâm-Ngư: 29,5%, CN-TTCN và XD: 33,6%, các ngành dịch vụ: 36,9%).

- Thu nhập bình quân đầu người đạt trên 49 triệu đồng.

- Tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội khoảng 900 tỷ đồng.

- Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn: 86 tỷ đồng<sup>23</sup>.

- Tổng chi NSNN địa phương: 386,462 tỷ đồng<sup>24</sup>, trong đó chi ĐTPT 40,524 tỷ đồng.

- Tổng sản lượng lương thực có hạt: 8,3 vạn tấn.

- Diện tích trồng mới rừng tập trung: 1.500 ha, cây phân tán 12 vạn cây.

<sup>23</sup> Thuế 37 tỷ, đất 34 tỷ, ATGT 6 tỷ; nguồn khác huyện và xã 3 tỷ (huyện tăng tiền sử dụng đất 6 tỷ đồng).

<sup>24</sup> Chi NS địa phương 380,662; tăng tiền sử dụng đất 5,4 tỷ đồng.

- Sản lượng thủy hải sản đạt: 6.080 tấn<sup>25</sup>
- Có thêm 2-3 xã đạt chuẩn xã nông thôn mới.
- Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ đạt 3.152 tỷ đồng.

## 2. Các chỉ tiêu xã hội:

- Giữ vững chuẩn phổ cập THCS tại 100% xã, thị trấn; phần đầu tỷ lệ trẻ trong độ tuổi đi học mẫu giáo đạt 95,7%, tỷ lệ học sinh đi học đúng độ tuổi đối với bậc tiểu học đạt 100% và THCS đạt 99,2%.

- Tạo việc làm mới: 1.000-1.200 lao động, trong đó có 150-170 lao động xuất khẩu.

- Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 57%; trong đó, lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ nghề đạt 37%.

- Tỷ lệ người dân tham gia BHYT: 90%.

- Mức giảm tỷ suất sinh dưới: 0,3‰.

- Giảm tỷ lệ hộ nghèo: 1-1,2%.

- Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị SDD: 5%;

## 3. Các chỉ tiêu môi trường:

- Tỷ lệ độ che phủ rừng: Trên 47%.

- Tỷ lệ dân cư sử dụng nước hợp vệ sinh 99,8%<sup>26</sup>; trong đó: thị trấn 100%.

- Tỷ lệ chất thải rắn được thu gom 91%; trong đó: thị trấn 98,6%, các xã 90,9%.

## B. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN NGÀNH, LĨNH VỰC:

### I. LĨNH VỰC KINH TẾ:

#### 1. Phát triển sản xuất nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới:

##### 1.1. Sản xuất nông, lâm, ngư:

Tiếp tục đẩy mạnh tái cơ cấu sản xuất ngành nông nghiệp theo Đề án của tỉnh và kế hoạch huyện, trong đó chú trọng phát triển các sản phẩm nông nghiệp có lợi thế cạnh tranh gắn với các vùng quy hoạch tập trung và sản xuất gắn với thị trường tiêu thụ. Đẩy mạnh thu hút doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn và phát huy vai trò lực lượng tri thức trẻ của huyện trong sản xuất, tiêu thụ các sản phẩm nông nghiệp sạch. Chú trọng liên kết với doanh nghiệp để trồng cam kết hợp với dịch vụ sinh thái tại vùng Khe Khế, thu hút dự án sản xuất, chế biến các sản phẩm nông nghiệp và rượu gạo hữu cơ tại vùng Trầm Khang. Tích cực thực hiện tích tụ ruộng đất; liên doanh, liên kết với các doanh nghiệp trong sản xuất và tiêu thụ các sản phẩm nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ. Phát triển chăn nuôi có quy mô tập trung theo vùng quy hoạch. Tiếp tục đầu tư hệ thống điện, giao thông để phát triển mạnh kinh tế vùng cát, vùng đồi. Chỉ đạo chuyển đổi sinh kế và nâng cao hiệu quả nuôi trồng, đánh bắt thủy hải sản ở 2 xã vùng biển.

- **Trồng trọt:** Tổng diện tích gieo trồng cả năm trên 17.800 ha. Giá trị sản xuất nông nghiệp/hạ đất canh tác đạt trên 78 triệu đồng. Ổn định diện tích lúa 13.450 ha, cây ngô 500 ha, cây sắn trên 1.400 ha, khoai các loại 850 ha, lạc 500 ha, rau các loại 625 ha, đậu các loại 300 ha, ớt trên 100 ha... Chỉ đạo cải tạo, phát triển các vườn tiêu hiện có và nhân rộng mô hình trồng tiêu tập trung ở các xã có điều kiện như: Hải Sơn, Hải Chánh, Hải Lâm... Chăm sóc, phòng trừ sâu bệnh và khai thác tốt diện tích cao su đến tuổi khai thác.

Tích cực thực hiện dồn điền đổi thửa, tích tụ ruộng đất gắn với tổ hợp tác, nhóm hộ thuê đất, hoán đổi đất để xây dựng canh đồng lớn, sản xuất lúa hữu cơ; đẩy mạnh ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật công nghệ và cơ giới vào sản xuất nhằm nâng cao năng suất, chất lượng nông sản gắn với đăng ký chất lượng, xây dựng thương hiệu gạo Hải Lăng để mở rộng thị trường tiêu thụ. Tiếp tục tìm kiếm đưa vào thử nghiệm một số giống mới có triển vọng; tổ chức sản xuất giống lúa đặc sản tập trung theo hướng hàng hoá.

<sup>25</sup> Hải sản khai thác 3.600 tấn, cá nước ngọt 780 tấn, tôm công nghiệp 1.700 tấn.

<sup>26</sup> Trong đó tỷ lệ sử dụng nước máy đạt trên 50% (thị trấn 71,6%, các xã 49,2%).

Tập trung khai thác hiệu quả kinh tế vùng cát, mỗi xã vùng cát xây dựng 1-2 mô hình sản xuất rau quả an toàn (quy mô 0,5ha/vùng). Mở rộng diện tích các loại rau có giá trị như: Ném kiệu, mướp đắng, rau gia vị, bí đao chanh tại các vùng có điều kiện. Lập kế hoạch sử dụng có hiệu quả diện tích đất cát tại vùng Ngã 5, sau khi Công ty ViCo khai thác, bàn giao.

Đẩy nhanh tiến độ quy hoạch diện tích trồng cam tập trung tại Khe Khế, phấn đấu trồng mới trên 50 ha vào cuối năm 2019. Đẩy mạnh việc ứng dụng các tiến bộ khoa học vào sản xuất thâm canh đối với các vùng trồng cam tập trung gắn với việc đăng ký nhãn hiệu, áp dụng quy trình sản xuất theo hướng nông nghiệp hữu cơ, kết hợp du lịch sinh thái...

- **Chăn nuôi:** Tiếp tục chỉ đạo phát triển chăn nuôi theo hướng gia trại, trang trại gắn với đảm bảo an toàn dịch bệnh, vệ sinh môi trường. Chú trọng phát triển chăn nuôi với trồng trọt và thủy sản; chăn nuôi ứng dụng tiến bộ KHKT mới về thức ăn, con giống, các biện pháp thu gom xử lý chất thải, vệ sinh môi trường.

Tiếp tục thực hiện tốt chương trình cải tạo đàn bò, chú trọng công tác thụ tinh nhân tạo để phát triển đàn bò lai. Phát triển các mô hình nuôi bò thâm canh, bán thâm canh. Khuyến khích phát triển các mô hình chăn nuôi có quy mô tập trung, nuôi lợn nái ngoại kết hợp sử dụng hầm biogas, đệm lót sinh học, lồng đẻ... Tranh thủ, huy động nguồn vốn để xây dựng cơ sở giết mổ gia súc tập trung ở các xã theo Đề án của tỉnh và kế hoạch của huyện.

Năm 2019, phấn đấu đàn bò 8.500 con, trong đó bò lai 5.300 con; đàn lợn 62.000 con, trong đó lợn nái trên 18.600 con; đàn dê 900 con; đàn trâu ổn định 2.150 con; đàn gia cầm trên 590.000 con. Tổng sản lượng thịt hơi các loại đạt 9.000 tấn (trong đó thịt lợn hơi 7.100 tấn). Phát triển các mô hình chăn nuôi có hiệu quả như nuôi bò câu pháp, thỏ, vịt biển...

- **Lâm nghiệp:** Thực hiện tốt công tác chăm sóc, bảo vệ và phát triển rừng. Đẩy mạnh trồng rừng thâm canh, rừng trồng theo chứng chỉ FSC; tổ chức trồng lại rừng sau khai thác khoảng 1.500 ha, trồng mới trên 12 vạn cây phân tán, duy trì tỷ lệ che phủ rừng 47,1%; đẩy mạnh khai thác nhựa thông, sản lượng đạt 80 tấn; tổ chức thực hiện tốt phong trào Tết trồng cây hàng năm. Quản lý tốt việc khai thác, trồng lại rừng sau khai thác; quản lý và sử dụng có hiệu quả quỹ bảo vệ và phát triển rừng. Xây dựng, phát triển các vườn ươm cây giống lâm nghiệp có giá trị kinh tế cao; tăng cường quản lý nguồn gốc cây giống nhập về địa bàn. Chỉ đạo quản lý, nâng cao hiệu quả rừng vùng cát.

- **Thủy sản:** Có giải pháp mở rộng diện tích nuôi thủy sản theo hướng thâm canh. Tranh thủ các nguồn lực tự có trong dân và nguồn vốn từ các chương trình dự án để chuyển đổi mở rộng diện tích nuôi cá nước ngọt, chuyển đổi diện tích lúa kém hiệu quả sang nuôi cá nước ngọt, phấn đấu diện tích nuôi cá đạt 476 ha, sản lượng 800 tấn<sup>27</sup>. Nhân rộng mô hình nuôi cá lồng, phấn đấu năm 2019 có 200 lồng, trong đó 70 lồng cá chình.

Tăng cường công tác kiểm tra, phát hiện sớm dịch bệnh, quản lý chất lượng con giống, nhất là giống tôm. Thực hiện tốt công tác xử lý ao hồ trước khi nuôi, xử lý nước thải đảm bảo môi trường, ngăn chặn sự lây lan mầm bệnh. Theo dõi, hướng dẫn mô hình ương nuôi tôm 2 giai đoạn ở xã Hải Khê. Phấn đấu diện tích thả nuôi tôm 102 ha, sản lượng 1.700 tấn.

Vận động nhân dân sửa chữa, nâng cấp ghe thuyền, ngư lưới cụ khai thác hải sản. Phấn đấu sản lượng đạt 3.600 tấn, trong đó hải sản có giá trị xuất khẩu 1.200 tấn.

- **Công tác thủy lợi, PCLB và GNTT:** Tiếp tục huy động vốn đầu tư KCH kênh mương nội đồng; xây dựng bờ vùng bờ thửa đối với các vùng sản xuất tập trung, xây dựng cánh đồng lớn. Sử dụng có hiệu quả nguồn kinh phí hỗ trợ miễn thu thủy lợi phí trong việc nâng cấp, cải tạo các công trình thủy lợi nhằm nâng cao năng lực phục vụ. Tổng kết công tác PCTT-TKCN năm 2018 và xây dựng kế hoạch phòng chống thiên tai năm 2019. Kịp thời triển khai các phương án phòng chống rét, hạn hán nhằm giảm thiểu thiệt hại xảy ra.

<sup>27</sup> Trong đó cả nuôi 780 tấn; cá giống 5,5 triệu con.

truyền thông; gắn kết giữa phát triển làng nghề với dịch vụ, du lịch. Xây dựng mỗi xã có ít nhất 1 sản phẩm làng nghề. Tiếp tục triển khai Quy hoạch Điểm dịch vụ làng nghề truyền thống Kim Long gắn với phát triển du lịch, từng bước đầu tư CSHT.

Phối hợp các Sở, ban ngành, các địa phương tổ chức Đoàn kiểm tra hoạt động SXKD và tiến độ thực hiện các dự án đầu tư vào địa bàn huyện nhằm hướng dẫn, hỗ trợ cho các doanh nghiệp trên địa bàn huyện tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc, đẩy mạnh hiệu quả SXKD, tạo điều kiện thu hút lao động, giải quyết việc làm cho lao động địa phương.

#### **4. Thương mại - dịch vụ; Giao thông vận tải:**

Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả chính sách khuyến khích phát triển TTCN, TM-DV trên địa bàn huyện giai đoạn 2017-2020. Đẩy mạnh hoạt động đăng ký nhãn hiệu, xây dựng và phát triển thương hiệu, đa dạng hóa các hình thức tiêu thụ đối với các sản phẩm làng nghề, nông sản đặc trưng của huyện như: Rượu Kim Long, Mứt gừng Mỹ Chánh, Chối dóc Văn Phong, Gạo Hải Lăng, Cam K4, Nước mắm Mỹ Thủy...

Triển khai thực hiện có hiệu quả kế hoạch chuyển đổi mô hình quản lý và kinh doanh khai thác chợ giai đoạn 2018-2020. Chỉ đạo mỗi chợ ưu tiên ít nhất là 01 lô quây để trưng bán sản phẩm đặc trưng của huyện; có giải pháp đưa vào sử dụng hết các lô quây còn tồn đọng ở các chợ. Tập trung vào phát triển các sản phẩm làng nghề, sản phẩm đặc trưng của địa phương, ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp, công nghệ thu hoạch, bảo quản và chế biến sản phẩm sau thu hoạch nhằm tăng giá trị sản phẩm.

Thực hiện tốt công tác quản lý thị trường hàng hóa, dịch vụ; đảm bảo môi trường kinh doanh cạnh tranh, lưu thông hàng hóa thông suốt; ngăn chặn kịp thời các hành vi kinh doanh trái pháp luật. Tích cực phát triển TM-DV tại các trung tâm, cụm điểm các xã. Đẩy mạnh các chương trình, hoạt động thương mại hướng tới nông thôn. Khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển các loại hình thương mại, dịch vụ.

Phấn đấu tổng mức bán lẻ hàng hóa, doanh thu dịch vụ tiêu dùng 3.152 tỷ đồng; số cơ sở kinh doanh TMDV đạt 4.227 cơ sở với 6.086 lao động.

Thực hiện có hiệu quả Quy hoạch phát triển giao thông và vận tải tỉnh Quảng Trị đến năm 2020, định hướng đến năm 2030; Đề án Chương trình KCH GTNT giai đoạn 2016-2020. Rà soát điều chỉnh quy hoạch mạng lưới giao thông sau khi mở rộng địa giới hành chính thị trấn, đô thị khu vực La Vang, đô thị khu vực Mỹ Chánh và các tuyến đường có liên quan đến Khu kinh tế Đông Nam, Khu tái định cư Hải An, Hải Khê...

Chỉ đạo kiểm tra định kỳ các tuyến đường ngang qua đường sắt; Phối hợp Sở GTVT và các ngành liên quan kiểm tra, giải tỏa hành lang an toàn giao thông đường bộ. Tranh thủ các nguồn lực để từng bước xây dựng mới một số cầu và nâng cấp, sửa chữa một số tuyến đường đã xuống cấp nghiêm trọng. Thực hiện tốt hoạt động quản lý nhà nước về giao thông vận tải, thường xuyên kiểm tra, đảm bảo an toàn giao thông các công trình cầu, đường.

Tăng cường công tác tuyên truyền các chủ trương, chính sách về phát triển GTNT; vận động nhân dân hiến đất, tự giải tỏa tài sản trên đất để mở rộng và làm mới đường giao thông thực hiện xã hội hóa trong xây dựng và phát triển GTNT.

#### **5. Quy hoạch, xây dựng, huy động vốn đầu tư phát triển:**

Tiếp tục thực hiện các Dự án quy hoạch: Điều chỉnh, mở rộng Quy hoạch chung xây dựng thị trấn Hải Lăng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 và Quy hoạch chung xây dựng Đô thị Mỹ Chánh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030. Rà soát, điều chỉnh Quy chế quản lý xây dựng, quy hoạch kiến trúc cảnh quan đô thị thị trấn; xây dựng Quy chế quản lý xây dựng, quy hoạch kiến trúc cảnh quan Đô thị khu vực La Vang. Thành lập và đi vào hoạt động Đội quy tắc đô thị thị trấn Hải Lăng; tổ quản lý đô thị La Vang.

Tích cực huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn đầu tư phát triển. Khai thác và sử dụng có hiệu quả nguồn vốn quỹ đất để đầu tư kết cấu hạ tầng trung tâm thị trấn, XD NTM. Chỉ đạo, hướng dẫn các xã, thị trấn triển khai quy hoạch chi tiết, GPMB, xây dựng kết cấu hạ tầng khu vực trung tâm cụm xã, khu dân cư mới để đầu tư giá QSD đất tạo nguồn



Chỉ đạo các đơn vị liên quan hợp tác tốt trong tưới, tiêu để bố trí sản xuất và điều tiết nước hợp lý; kiểm tra, rà soát hệ thống đê bao và các công trình thủy lợi để sửa chữa, nâng cấp đảm bảo phục vụ tốt cho sản xuất.

### **1.2. Xây dựng nông thôn mới:**

Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả CTMTQG XDNTM giai đoạn 2016-2020; phong trào thi đua “*Quảng trị chung sức xây dựng nông thôn mới*”, Kế hoạch phong trào thi đua “*Hải Lãng chung sức xây dựng nông thôn mới*”. Chú trọng thực hiện có hiệu quả các chủ đề xuyên suốt về “Chinh trang nông thôn”, “Thôn NTM, gia đình NTM”, “Tuyến đường kiểu mẫu”, “Ngày Nông thôn mới”...

Huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực ngân sách hỗ trợ, nguồn lực tài trợ kết hợp với nguồn lực, nhân lực của địa phương trong thực hiện tiêu chí về xây dựng CSHT NTM. Sử dụng có hiệu quả nguồn vốn ưu đãi, khuyến khích phát triển sản xuất, ngành nghề dịch vụ nông thôn.

Duy trì bền vững, nâng cao chất lượng đối với các xã đạt chuẩn NTM, từng bước xây dựng xã NTM kiểu mẫu. Quan tâm hỗ trợ các xã phấn đấu đạt chuẩn NTM trong năm 2019. Tổ chức đánh giá và công nhận xã đạt tiêu chí NTM, xã đạt chuẩn văn hóa NTM. Làm tốt công tác đánh giá, thẩm định kết quả thực hiện các tiêu chí XD NTM, xây dựng giải pháp, lộ trình thực hiện đối với các tiêu chí chưa đạt; khen thưởng, động viên kịp thời đối với các đơn vị có cách làm sáng tạo, hiệu quả. Phấn đấu trong năm 2019, có thêm 2-3 xã đạt chuẩn xã NTM; các xã chưa đạt chuẩn đạt thêm ít nhất 2-3 tiêu chí/xã, nâng bình quân các xã đạt 17 tiêu chí.

### **2. Phát triển kinh tế tập thể và tư nhân:**

Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Nghị quyết 10-NQ/TW về phát triển kinh tế tư nhân trở thành động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng XHCN; Nghị quyết số 35/NQ-CP của Chính phủ về hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp đến năm 2020.

Đẩy mạnh phổ biến, thực hiện tốt các chính sách khuyến khích, hỗ trợ kinh tế HTX, THT, kinh tế cá thể, kinh tế trang trại, kinh tế hộ và các hình thức tổ chức liên kết trong sản xuất, chế biến, cung ứng vật tư và tiêu thụ sản phẩm. Chỉ đạo thành lập các HTX kiểu mới. Tổ chức tập huấn chuyên sâu về công tác kiểm tra tài chính cho Trưởng ban kiểm HTX. Các cơ quan chuyên môn huyện và UBND các xã tăng cường thanh tra, kiểm tra hoạt động tài chính các HTX, kịp thời xử lý nghiêm các sai phạm. Chỉ đạo các HTX khuyến khích các cá nhân, tổ hợp tác đầu tư để thực hiện dịch vụ thủy lợi theo sự điều hành của HTX. Tích cực thực hiện có hiệu quả các dịch vụ thương mại, tổng hợp để trả lương cho cán bộ quản lý và chia lãi theo vốn góp thành viên; đến cuối năm 2019, thực hiện chuyển đổi hoạt động HTX sang THT hoặc giải thể đối với các HTX hoạt động không hiệu quả, còn thu đầu sào để trả lương cho cán bộ.

Tăng cường công tác kiểm tra giám sát, đẩy mạnh cải cách hành chính. Thực hiện tốt thủ tục về cấp giấy chứng nhận ĐKKD, cấp giấy chứng nhận trang trại...

### **3. Công nghiệp - TTCN:**

Triển khai thực hiện tốt các cơ chế, chính sách, quy hoạch, kế hoạch của TW, tỉnh về phát triển CN-TTCN, ngành nghề nông thôn. Tiếp tục triển khai thực hiện chính sách khuyến khích phát triển tiêu thụ công nghiệp, thương mại, dịch vụ trên địa bàn huyện giai đoạn 2017-2020. Nâng cao hiệu quả xúc tiến thu hút đầu tư, thu hút 02-03 dự án sản xuất hiệu quả, bền vững về môi trường vào đầu tư trong các cụm Công nghiệp. Chú trọng thu hút các dự án đầu tư vào lĩnh vực chế biến nông sản, thức ăn gia súc; dệt may, sản xuất VLXD. Đánh giá, ban hành chính sách hỗ trợ khởi nghiệp, doanh nghiệp phù hợp điều kiện của huyện, trong đó ưu tiên đầu tư phát triển tại các vùng tập trung theo quy hoạch.

Thực hiện có hiệu quả Chương trình khuyến công để mở rộng phát triển ngành nghề và nâng cao hiệu quả sản xuất đối với các cơ sở hiện có. Xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch nâng cao chất lượng hoạt động của các làng nghề, làng nghề truyền thống, nghề

thu đầu tư cơ sở xây dựng CSHT. Triển khai quy hoạch phát triển TM-DV đối với các điểm du lịch có tiềm năng. Tiếp tục triển khai tốt các dự án đầu tư CSHT từ nguồn ngân sách TW và tỉnh đầu tư trên địa bàn. Triển khai kịp thời việc đăng ký danh mục và thực hiện các thủ tục đầu tư đối với các nguồn vốn TW, tỉnh hỗ trợ theo các CTMT Quốc gia.

Chỉ đạo thẩm định nhiệm vụ và đồ án quy hoạch chung xây dựng, quy hoạch chi tiết, quy hoạch Khu dân cư, khu đô thị và thẩm định báo cáo KT-KT; thiết kế BVTC và dự toán trên địa bàn huyện theo phân cấp.

Thực hiện tốt công tác lập, thẩm định nguồn vốn, phê duyệt chủ trương đầu tư báo cáo KT-KT đối với các dự án khởi công mới kế hoạch năm 2019. Thực hiện cơ chế phân cấp, ủy quyền quản lý dự án đầu tư từ nguồn vốn đầu giá QSD đất do các xã, thị trấn thực hiện. Tăng cường cơ chế phối hợp giám sát đầu tư cộng đồng. Thực hiện tốt việc cấp phép xây dựng, quản lý chỉ giới quy hoạch và xây dựng công trình.

## **6. Tài chính - tín dụng:**

Chỉ đạo công tác quản lý thu chặt chẽ, rà soát các nguồn thu theo chỉ tiêu đã giao đảm bảo thu đúng, thu đủ theo dự toán tỉnh và huyện giao. Quản lý chặt chẽ các nguồn thu vãng lai, các khoản thu chưa xác định hết đề nộp vào ngân sách; đồng thời, kiên quyết xử lý nợ đọng thuế, chống thất thu thuế. Phân đầu thu ngân sách nhà nước trên địa bàn 64 tỷ đồng.

Quản lý chặt chẽ nhiệm vụ chi ngân sách, thực hành tiết kiệm, hiệu quả, thực hiện đúng nguyên tắc tài chính, đảm bảo thực hiện các chế độ chính sách mới do cấp trên ban hành và chính sách an sinh xã hội theo quy định của Chính phủ. Chủ động phương án, nguồn chi dự phòng ngân sách để xử lý các tình huống bất thường, đột biến. Tăng cường công tác hướng dẫn, kiểm tra, giám sát đối với các đơn vị dự toán và ngân sách xã, thị trấn; kịp thời chấn chỉnh, xử lý sai phạm.

Tích cực phối hợp với các tổ chức tín dụng trong việc triển khai các cơ chế, chính sách tín dụng ưu đãi, hỗ trợ phát triển sản xuất, kinh doanh, đặc biệt là chính sách hỗ trợ lãi suất tiền vay đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh.

## **7. Hoạt động kinh tế đối ngoại và thu hút đầu tư:**

Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả CTHĐ của Huyện ủy thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/TU về tiếp tục đẩy mạnh hội nhập kinh tế quốc tế gắn với thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TW của BCH Trung ương Khóa XII.

Tích cực mở rộng quan hệ đối ngoại, tranh thủ có hiệu quả sự giúp đỡ, hỗ trợ của các nhà tài trợ để huy động nguồn lực đầu tư như: KOICA, World Vison, DOVE fun, SoDi, ZHI-Shan, Medipeace... Nâng cao tính chủ động, năng động trong công tác đối ngoại của các ngành, các địa phương. Tiếp tục triển khai thực hiện tốt kế hoạch cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh và Nghị quyết 35/NQ-CP về hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp đến năm 2020.

## **II. VĂN HÓA - XÃ HỘI:**

### **1. Giáo dục và Đào tạo:**

Tiếp tục thực hiện có hiệu quả CTHĐ của Huyện ủy về đổi mới căn bản giáo dục và đào tạo. Phân đầu tỷ lệ huy động vào nhà trẻ đạt 38,8%, mẫu giáo đạt 95,7%, Tiểu học đạt 100%, THCS đạt 99,2%, tuyển sinh vào lớp 10 đạt 93,5%.

Đẩy mạnh xây dựng trường chuẩn quốc gia, trường học kiểu mẫu và trường học chất lượng cao. Phân đầu có 16 trường Mầm non, 13 trường TH&THCS có cơ sở vật chất đạt chuẩn Quốc gia; tiếp tục triển khai các bước xây dựng Trường TH&THCS thị trấn đạt chất lượng cao và trường THPT Trần Thị Tâm đạt chuẩn Quốc gia đến năm 2020. Chỉ đạo huy động các nguồn xã hội hóa để làm tốt công tác vệ sinh học đường.

Tiếp tục đổi mới nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, giữ vững thành tích học sinh giỏi các cấp. Phân đầu tỷ lệ học sinh tốt nghiệp các cấp học đạt cao, trong đó: học sinh hoàn thành chương trình Tiểu học đạt 100%, tốt nghiệp THCS đạt 99% trở lên, tốt nghiệp THPT

đạt 96% trở lên. Giữ vững và nâng cao kết quả phổ cập giáo dục các cấp học. Phần đầu phổ cập giáo dục bậc trung học đạt 65%. Đẩy mạnh công tác xã hội hóa, công tác khuyến học, khuyến tài; củng cố, nâng cao chất lượng hoạt động của Trung tâm HTCD các xã, thị trấn gắn với phong trào học tập suốt đời, xây dựng xã hội học tập.

\* Tiếp tục triển khai có hiệu quả kế hoạch số 916/KH-UBND ngày 29/8/2017 của UBND huyện về đào tạo nghề và phân luồng học sinh sau tốt nghiệp THCS, THPT giai đoạn 2017-2020, định hướng đến 2025; xây dựng và triển khai kế hoạch đào tạo nghề cho lao động nông thôn và chính sách phân luồng học sinh năm 2019. Tiếp tục thực hiện truyền thông về công tác ĐTN, PLHS. Làm tốt công tác tuyển sinh, phối hợp, liên kết đào tạo các lớp Đại học; các chứng chỉ ngoại ngữ, tin học.

## **2. Văn hóa thông tin-Thể thao-Du lịch:**

Tiếp tục thực hiện có hiệu quả CTHĐ của Huyện ủy về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước” gắn với Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa Đề án “Xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới”, “Thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị” giai đoạn 2. Chỉ đạo xây dựng một số công trình trọng điểm chào mừng kỷ niệm 45 năm Ngày giải phóng huyện, kỷ niệm 90 năm Ngày thành lập Đảng và đại hội Đảng các cấp nhiệm kỳ 2020-2025.

Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện các giải pháp nâng cao chất lượng làng thôn, xóm văn hóa; chú trọng xây dựng các đơn vị văn hóa tiêu biểu. Lòng ghép ban hành bộ tiêu chí về văn hóa và NTM đối với các thôn, hộ gia đình để triển khai thực hiện. Phần đầu có 98,9% làng, thôn, xóm, 100% cơ quan, đơn vị, 92,5% gia đình đạt chuẩn văn hóa; 50% xã đạt chuẩn văn hóa NTM. Đẩy mạnh phong trào toàn dân tham gia rèn luyện TDTT. Vận động có 37% người dân, 24% gia đình rèn luyện thể dục thể thao thường xuyên.

Chú trọng bảo tồn, tôn tạo, chống xuống cấp và phát huy giá trị các di tích văn hóa, lịch sử, cách mạng. Phối hợp các ngành cấp tỉnh hoàn thành hồ sơ đưa vào quy hoạch 23 di tích. Tăng cường công tác kiểm tra hoạt động văn hóa, dịch vụ văn hóa.

## **3. Công tác dân số, Y tế và chăm sóc sức khỏe nhân dân:**

Thực hiện tốt Chương trình mục tiêu y tế, dân số; đề án xã đạt chuẩn quốc gia về y tế; duy trì chất lượng hoạt động của các trạm y tế đã đạt chuẩn. Phần đầu đến cuối năm 2019 có 90% xã, thị trấn đạt chuẩn quốc gia về y tế; 99% các đối tượng trong tiêm chủng được tiêm chủng đầy đủ các loại vắc xin theo quy định, tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi SDD về cân nặng là 5% và số đo về chiều cao là 7,4%. Triển khai khám, lập hồ sơ sức khỏe điện tử cho người dân trên địa bàn huyện.

Tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 11 ngày 29/7/2017 của HĐND tỉnh về chính sách Dân số - KHHGD giai đoạn 2017-2020, tầm nhìn đến năm 2030; Kế hoạch số 83-KH/HU và Kế hoạch số 84 ngày 31/7/2018 của Huyện ủy về công tác dân số và y tế trong tình hình mới. Phần đầu giảm tỷ suất sinh 0,3%; tỷ lệ tăng dân số tự nhiên 0,84%.

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, xã hội hóa, vận động nhân dân thực hiện tốt công tác DS-KHHGD. Tiếp tục xây dựng làng, thôn, xóm không có người sinh con thứ 3 trở lên, phần đầu đến cuối năm 2019 tỷ lệ sinh con thứ 3 trở lên dưới 15%.

## **4. Công tác an sinh xã hội, XĐGN, QCVL, trẻ em:**

Tiếp tục thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội, nhất là chính sách đối với người có công với cách mạng; Kế hoạch số 24 ngày 03/10/2016 của Huyện ủy về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giảm nghèo bền vững, giai đoạn 2016-2020; phần đầu tỷ lệ giảm nghèo từ 1-1,2%.

Quản lý tốt thông tin về cung, cầu lao động; hộ nghèo, gia đình chính sách, đối tượng bảo trợ xã hội để kịp thời có giải pháp giúp đỡ, hỗ trợ. 100% đối tượng BTXH được hưởng các chế độ chính sách theo quy định.

Thực hiện có hiệu quả kế hoạch xuất khẩu lao động và tạo việc làm, phần đầu tạo việc làm cho 1.000-1.200 lao động và xuất khẩu 150-170 lao động. Nâng cao chất lượng đào tạo

nghề, chú trọng đào tạo nghề cho lao động nông thôn. Đẩy mạnh đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ xuất khẩu lao động, xây dựng NTM và đáp ứng nhu cầu nhân lực của các dự án động lực ở Khu kinh tế Đông Nam. Phân đầu đào tạo nghề cho 800 lao động nông thôn; tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 57%, trong đó lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đạt 37%.

Làm tốt công tác bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em; bạo lực gia đình, bình đẳng giới. Vận động tốt Quỹ Vì người nghèo, Quỹ Đền ơn đáp nghĩa, Quỹ Bảo trợ trẻ em.

### **III. KHOA HỌC CÔNG NGHỆ, TÀI NGUYÊN – MÔI TRƯỜNG:**

#### **1. Hoạt động khoa học công nghệ:**

Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả chương trình, kế hoạch của tỉnh, của Huyện ủy về phát triển khoa học, công nghệ. Triển khai thực hiện Đề án ứng dụng và phát triển khoa học và công nghệ trên địa bàn huyện giai đoạn 2018-2025; ứng dụng các Đề tài, chuyên đề khoa học, dự án thử nghiệm, giải pháp khoa học gắn với mục tiêu, nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới nói riêng, phát triển KT-XH của huyện nói chung. Nâng cao hiệu quả hoạt động của Hội Khoa học Kỹ thuật và Làm vườn huyện. Tăng cường công tác quản lý trong hoạt động khoa học và công nghệ, đẩy mạnh việc ứng dụng tiên bộ khoa học công nghệ trong sản xuất kinh doanh nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm hàng hóa, dịch vụ.

#### **2. Tài nguyên - môi trường, phát triển quỹ đất, giải phóng mặt bằng:**

##### **2.1. Tài nguyên môi trường:**

Tiếp tục tổ chức triển khai Kế hoạch số 401 thực hiện Chỉ thị 24 ngày 01/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ về đẩy mạnh cải cách hành chính trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường; các văn bản của Trung ương, của tỉnh và của huyện về công tác tài nguyên và môi trường trên địa bàn huyện.

Thống kê tình hình sử dụng đất năm 2018 và kế hoạch năm 2019. Thực hiện tốt công tác giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, đấu giá đất và chuyển mục đích sử dụng đất, cấp giấy chứng nhận QSD đất. Hoàn thành cấp giấy CNQSDĐ cho các thửa đất chưa được cấp giấy lần đầu, đất cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng; cấp đổi giấy CNQSDĐ theo dự án đa dạng hoá nông nghiệp năm 2006.

Thường xuyên kiểm tra, giám sát việc sử dụng đất theo quy hoạch, kế hoạch; xử lý nghiêm các trường hợp làm nhà trái phép. Tăng cường quản lý đất đai, xây dựng khu vực quy hoạch Khu kinh tế Đông Nam.

Tăng cường quản lý cấp phép các trường hợp cải tạo, hạ độ cao đất nông nghiệp, lâm nghiệp và sử dụng đất làm vật liệu san lấp công trình. Tiếp tục phối hợp chặt chẽ với các ngành cấp tỉnh giám sát việc xử lý nước thải của Dự án Cụm liên hợp dệt - nhuộm - may của Công ty TNHH Dệt may VTJ Toms; kiểm tra công tác môi trường, tiến độ thực hiện dự án, rà soát tình hình sử dụng đất, tình hình hoạt động sản xuất của các doanh nghiệp tại các Cụm công nghiệp, đề nghị tỉnh thu hồi đất chưa sử dụng.

Triển khai kế hoạch phân loại rác tại nguồn trên địa bàn huyện. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền nhằm nâng cao ý thức, trách nhiệm về phân loại, xử lý rác thải trong từng hộ gia đình và cộng đồng dân cư. Tiếp tục thực hiện Đề án sử dụng nước sạch và hồ xí tự hoại, bán tự hoại... Phân đầu đưa tỷ lệ hộ sử dụng nước sạch, nước hợp vệ sinh đạt 99,8% (thị trấn 100%, các xã 99,8%), trong đó tỷ lệ dùng nước máy trên 50% (thị trấn 71,6%, các xã 49,2%); tỷ lệ hộ sử dụng hồ xí tự hoại, bán tự hoại đạt 96,5% (thị trấn 100%, các xã 96,4%); tỷ lệ chất thải rắn được thu gom 91% (thị trấn 98,6%, các xã 90,9%).

##### **2.2. Phát triển quỹ đất và giải phóng mặt bằng:**

Tiếp tục đôn đốc các xã tiến hành lập quy hoạch để tổ chức đấu giá QSD đất. Tổ chức đấu giá QSD đất theo kế hoạch, trong đó, giao chỉ tiêu cụ thể cho các đơn vị; xử lý các lô đất đã qua 02 lần đấu giá nhưng không có người tham gia đấu.

Tiếp tục giải quyết những khó khăn, vướng mắc, làm tốt công tác giải phóng mặt bằng các dự án đầu tư vào Khu kinh tế Đông Nam để bàn giao mặt bằng cho nhà đầu tư triển khai theo tiến độ trong năm 2019 và một số công trình, dự án trên địa bàn huyện.

#### **IV. XÂY DỰNG CHÍNH QUYỀN VÀ THỰC THI PHÁP LUẬT:**

##### **1. Công tác xây dựng chính quyền, cải cách hành chính:**

Tổ chức cho Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc huyện ký cam kết trách nhiệm người đứng đầu năm 2019 với UBND huyện. Sắp xếp, kiện toàn đội ngũ CBCC, VC theo Đề án vị trí việc làm. Đẩy mạnh thực hiện kế hoạch tinh giản biên chế; kế hoạch chuyển đổi vị trí công tác đối với một số CBCC, VC cấp huyện, xã. Sắp xếp, bố trí hợp lý đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trường học theo đúng định mức và chỉ tiêu được giao.

Tiếp tục triển khai thực hiện tốt Đề án số 1322/ĐA-UBND ngày 15/6/2018 của UBND tỉnh về sắp xếp, tổ chức lại các đơn vị hành chính cấp xã, thôn, bản, khu phố, cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập.

Tiếp tục đẩy mạnh công tác cải cách hành chính, đảm bảo 100% thủ tục hành chính được giải quyết kịp thời, hiệu quả. Triển khai kế hoạch nâng cao chất lượng hoạt động bộ phận một cửa các xã, thị trấn; phấn đấu đến cuối năm 2019, có 75% Bộ phận TN&TKQ xã, thị trấn đạt chuẩn về diện tích, trang thiết bị, sử dụng, kết nối các phần mềm tác nghiệp trong xử lý công việc; tổ chức chấm điểm hoạt động Bộ phận TN&TKQ cấp xã.

Đẩy mạnh thực hiện Pháp lệnh Dân chủ cơ sở; Kết luận 114 ngày 14/7/2015 của Ban Bí thư TW Đảng (Khóa XI) về nâng cao hiệu quả công tác dân vận của cơ quan Nhà nước các cấp; Chỉ thị số 16/CT-TTg ngày 16/5/2016 về tăng cường và đổi mới công tác dân vận trong cơ quan nhà nước và chính quyền các cấp trong tình hình mới.

Thường xuyên kiểm tra, quản lý sử dụng đất đai, xây dựng của các cơ sở tôn giáo; hướng dẫn các tổ chức tôn giáo hoạt động đúng quy định pháp luật. Hoàn thiện các bước nội dung công việc của Dự án 513; giải quyết tốt các điểm tranh chấp địa giới hành chính. Thực hiện tốt công tác khen thưởng, kỷ luật; rà soát giải quyết khen thưởng kịp thời cho các đối tượng chính sách.

##### **2. Công tác tư pháp và thi hành án dân sự:**

Xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch phổ biến, giáo dục ật đối với các văn bản Luật, nghị định có hiệu lực thi hành trong năm 2019. Tiếp tục phối hợp với Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh tăng cường trợ giúp pháp lý hộ nghèo, người khuyết tật, các đối tượng chính sách ưu đãi, người có công với cách mạng, thiếu niên, phụ nữ... đồng thời, trợ giúp chuyên đề theo nhu cầu của người dân, ưu tiên lĩnh vực đất đai, giải quyết đơn thư...

Nâng cao chất lượng công tác xây dựng, thẩm định các văn bản QPPL; kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL. Thực hiện tốt công tác chứng thực, quản lý đăng ký hộ tịch. Tăng cường thi hành án dân sự đạt trên 80% vụ việc có điều kiện thi hành án.

##### **3. Thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, tiếp công dân và phòng chống tham nhũng:**

Thường xuyên kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện các kết luận thanh tra, kiểm toán và quyết định xử lý theo kết luận thanh tra, kiểm toán; việc giải quyết các khiếu nại tố cáo theo đúng quy định của pháp luật.

Triển khai thực hiện tốt các chương trình, kế hoạch, nội dung thanh tra trên các lĩnh vực: quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước; sử dụng kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ bảo vệ đất trồng lúa theo NĐ 35/2015/NĐ-CP; việc quản lý kinh tế, tài chính tại HTXNN. Thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo; việc thực hiện các quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng.

Thực hiện tốt công tác tiếp dân. Tiếp nhận, xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo, phản ánh của công dân đúng thời hiệu, thời hạn theo quy định của pháp luật; thẩm tra, xác minh, kết luận và giải quyết khiếu nại, tố cáo, phản ánh thuộc thẩm quyền bảo đảm chính xác và đúng

pháp luật, không để khiếu nại, khiếu kiện kéo dài, vượt cấp hoặc tái khiếu. Thực hiện kê khai minh bạch tài sản; phòng, chống tham nhũng theo kế hoạch năm 2019.

#### V. QUỐC PHÒNG AN NINH:

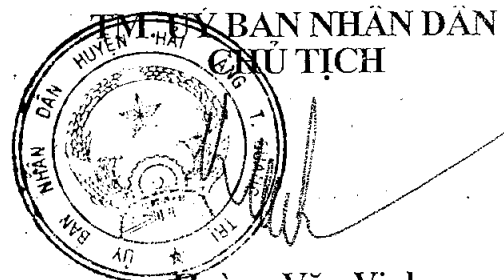
Triển khai và duy trì nghiêm chế độ trực sẵn sàng chiến đấu từ huyện đến cơ sở, không để bất ngờ xảy ra, chú trọng tuần tra, canh gác, bảo vệ an toàn cơ sở vật chất các cơ quan, đơn vị. Phối hợp chặt chẽ giữa các lực lượng vũ trang huyện, đồn biên phòng Mỹ Thủy đẩy mạnh công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật trên địa bàn huyện đảm bảo giữ vững ANCT-TTATXH; tăng cường bám sát địa bàn, giải quyết các vụ việc tranh chấp đại giới hành chính.. nhất là việc triển khai công tác GPMB các dự án Khu kinh tế Đông Nam, không để bị động, bất ngờ trong mọi tình huống.

Triển khai thực hiện có hiệu quả các Nghị quyết, CTHĐ của Đảng các cấp về công tác quốc phòng, an ninh ở địa phương. Tiếp tục thực hiện các giải pháp để nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quân sự, công an, dân quân tự vệ, dự bị động viên, bảo vệ dân phố các xã, thị trấn đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới. Xây dựng lực lượng công an, quân sự vững mạnh toàn diện, sẵn sàng chiến đấu cao. Kết hợp tốt giữa đảm bảo QP-AN với phát triển KT-XH, phòng chống thiên tai, dịch bệnh, giảm nghèo. Tiếp tục đầu tư, xây dựng các hạng mục công trình ở Khu SCH điển tập. Thực hiện tốt việc giáo dục chính trị, huấn luyện, diễn tập và giao quân hằng năm; tổ chức cho các đơn vị ký kết về thực hiện công tác tuyên truyền đảm bảo số lượng, tiêu chuẩn.

Duy trì chế độ giao ban, trực báo. Làm tốt công tác nắm chắc tình hình, phân tích dự báo đúng tình huống để tham mưu cho cấp ủy, chính quyền địa phương, các cấp bảo vệ vững chắc an ninh nội bộ, an ninh nông thôn, an ninh tôn giáo; âm mưu chống phá, gây rối, “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch. Thường xuyên mở các đợt cao điểm tấn công trấn áp tội phạm, đảm bảo an toàn giao thông; đẩy mạnh phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc. Tiếp tục thực hiện Đề án bố trí cán bộ công an chính quy về làm công an xã. Tổ chức tốt các hoạt động kỷ niệm 75 năm Ngày thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam và 30 năm Ngày hội Quốc phòng toàn dân./.

#### Nơi nhận:

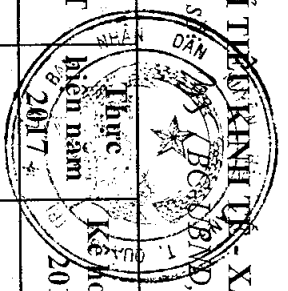
- UBND tỉnh (b/c);
- VP UBND tỉnh và các Sở, ngành;
- BTV Huyện ủy, TT HĐND, BTT UBMT huyện;
- Đại biểu HĐND huyện;
- CT, các PCT, UV UBND huyện;
- Các cơ quan, ban ngành, đoàn thể;
- UBND các xã, thị trấn;
- CVP, PVP, CV;
- Lưu: VT.



Hoàng Văn Vinh

**BIỂU TÔNG HỢP MỘT SỐ CHỈ TIÊU KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2018, KẾ HOẠCH NĂM 2019**

(Kèm theo báo cáo sơ kết thực hiện năm 2017)



CHỈ TIÊU	ĐVT	Thực hiện năm 2017	Kế hoạch 2018	Ước TH năm 2018	Kế hoạch 2019	Ước TH 2018 so với 2017	Ước TH 2018 so với	KH 2019 so với 2018
<b>A- CÁC CHỈ TIÊU TỔNG QUÁT:</b>								
<b>1. Giá trị sản xuất các ngành kinh tế (Giá so sánh năm 2010)</b>	Tỷ đồng	4.548	5.138	5.151	5.787	113,26	100,25	112,35
- Nông - Lâm - Ngư	Tỷ đồng	1.349	1.398	1.514	1.559	112,23	108,30	102,97
- CN-Xây dựng	Tỷ đồng	1.601	1.883	1.715	2.018	107,12	91,08	117,67
- Các ngành dịch vụ	Tỷ đồng	1.598	1.857	1.922	2.210	120,28	103,50	114,98
<b>2. Giá trị sản xuất các ngành kinh tế (Giá hiện hành)</b>	Tỷ đồng	6.367	7.280	7.356	8.205	115,53	101,04	111,54
- Nông - Lâm - Ngư	Tỷ đồng	1.956	2.097	2.360	2.422	120,65	112,54	102,63
- CN-Xây dựng	Tỷ đồng	2.206	2.604	2.341	2.755	106,12	89,90	117,68
- Các ngành dịch vụ	Tỷ đồng	2.205	2.579	2.655	3.028	120,41	102,95	114,05
<b>3. Cơ cấu giá trị sản xuất</b>								
- Nông - Lâm - Ngư	%	30,7	28,8	32,1	29,5			
- CN-Xây dựng	%	34,6	35,8	31,8	33,6			
- Các ngành dịch vụ	%	34,6	35,4	36,1	36,9			
<b>4. Quy mô dân số</b>	Người	85.640	86.582	84.617	84.280			
- Trong đó: Dân số là nữ	Người	43.111		42.646	42.476			
- Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên	%	0,87	<1	0,85	0,84			
<b>5. Các chỉ tiêu bình quân đầu người</b>								
- Thu nhập bình quân đầu người/năm	Tr.đồng	35,20	38-39	44,25	49,75			
- Sản lượng lương thực bình quân đầu người/năm	Kg	916,0	958,9	1023,4	985,1			
- Số học sinh phổ thông/10.000 dân	H.sinh	1.783	1.776	1.782	1.762			
- Số bác sĩ/10.000 dân	Bác sĩ	3,85	3,81	3,90	3,92			
- Số giường bệnh/10.000 dân	Giường	21,02	20,79	21,27	21,36			
<b>B- KINH TẾ</b>								
<b>I- NÔNG NGHIỆP</b>								
1. DT g.trồng cây hằng năm:	ha	17.816,3	17.800,0	17.556,0	17.800,0	98,54	98,63	101,39
a. Cây lương thực :	ha	13.952,3	13.950,0	13.978,1	13.950,0	100,18	100,20	99,80
- Lúa hàng năm :	ha	13.522,9	13.450,0	13.541,2	13.450,0	100,14	100,68	99,33
Trong đó: Đông xuân	"	6.585,5	6.850,0	6.851,4	6.850,0	104,04	100,02	99,98



CHỈ TIÊU	ĐVT	Thực hiện năm 2017	Kế hoạch 2018	Ước TH năm 2018	Kế hoạch 2019	Ước TH 2018 so với 2017	Ước TH 2018 so với	KH 2019 so với 2018
Hè thu	"	6.664,4	6.600,0	6.689,8	6.600,0	100,38	101,36	98,66
- Ngô	"	429,4	500,0	436,9	500,0	101,75	87,38	114,44
<b>b. Cây chất bột có củ :</b>	<b>ha</b>	<b>2.225,1</b>	<b>2.250,0</b>	<b>2.061,0</b>	<b>2.250,0</b>	<b>92,63</b>	<b>91,60</b>	<b>109,17</b>
- Sắn	"	1.440,3	1.400,0	1.398,6	1.400,0	97,10	99,90	100,10
- Khoai các loại	"	784,8	850,0	662,4	850,0	84,40	77,93	128,32
<b>c. Cây thực phẩm :</b>	<b>ha</b>	<b>1.070,2</b>	<b>1.025,0</b>	<b>1.048,4</b>	<b>1.025,0</b>	<b>97,96</b>	<b>102,28</b>	<b>97,77</b>
- Ót	"	100,9	100,0	100,3	100,0	99,41	100,30	99,70
- Đậu các loại	"	346,6	300,0	357,8	300,0	103,23	119,27	83,85
- Rau các loại	"	622,7	625,0	590,3	625,0	94,80	94,45	105,88
+TD: Ném	"	161,3	170,0	182,6	170,0	113,21	107,41	93,10
<b>d. Cây công nghiệp</b>	<b>ha</b>	<b>446,5</b>	<b>500,0</b>	<b>358,3</b>	<b>500,0</b>	<b>80,25</b>	<b>71,66</b>	<b>139,55</b>
- Cây CN ngắn ngày	ha	446,5	500,0	358,3	500,0	80,25	71,66	139,55
+ Lạc	"	446,5	500,0	358,3	500,0	80,25	71,66	139,55
<b>e. Cây hàng năm khác</b>	<b>"</b>	<b>122,2</b>	<b>75,0</b>	<b>110,2</b>	<b>75,0</b>	<b>90,18</b>		<b>68,06</b>
* Cây CN dài ngày	"	112,4	171,0	131,5	314,0	116,99		238,78
+ Diện tích trồng tiêu	ha	67,5	71,0	71,0	71,0	105,19	100,00	100,00
Trong đó: Tiêu cho sản phẩm	ha	62,0	65,0	67,0	65,0	108,06	103,08	97,01
+ Diện tích trồng cam tập trung	ha	44,9	100,0	60,5	110,0	134,74		181,82
<b>2. Năng suất cây trồng</b>								
- Năng suất lúa bình quân	Tạ/ha	56,44	60,00	62,30	59,87	110,38	103,83	96,10
Trong đó: + NS lúa Đông xuân	tạ/ha	63,06	61,00	63,49	61,00	100,68	104,08	96,08
+ NS lúa Hè Thu	"	49,66	59,00	61,08	59,00	123,00	103,53	96,59
- Ngô	tạ/ha	49,40	50,00	51,10	50,00	103,44	102,20	97,85
- Sắn	tạ/ha	150,00	175,00	175,00	175,00	116,67	100,00	100,00
- Khoai các loại	tạ/ha	90,00	95,00	93,83	95,00	104,26	98,77	101,25
- Rau các loại	tạ/ha	90,80	85,00	92,00	85,00	101,32	108,24	92,39
- Đậu các loại	tạ/ha	13,26	12,00	13,35	12,00	100,68	111,25	89,89
- Ót tươi	tạ/ha	55,00	53,00	56,00	55,00	101,82	105,66	98,21
- Ném	tạ/ha	71,00	69,00	72,00	70,00	101,41	104,35	97,22
- Lạc	tạ/ha	17,30	18,00	18,50	18,00	106,94	102,78	97,30
<b>3. Sản phẩm chủ yếu :</b>								
- S/L lương thực có hạt	Tấn	78.465,4	83.025,0	86.593,3	83.025,0	110,36	104,30	95,88
- Thóc cả năm	Tấn	76.345,1	80.525,0	84.360,8	80.525,0	110,50	104,76	95,45

CHỈ TIÊU	DVT	Thực hiện năm 2017	Kế hoạch 2018	Ước TH năm 2018	Kế hoạch 2019	Ước TH 2018 so với 2017	Ước TH 2018 so với	KH 2019 so với 2018
+ Trồng: Thóc Đông xuân	tấn	43.249,7	41.685,0	43.499,5	41.685,0	100,58	104,35	95,83
Thóc Hè Thu	tấn	33.095,4	38.840,0	40.861,3	38.840,0	123,47	105,20	95,05
+ Ngô	tấn	2.120,3	2.500,0	2.232,5	2.500,0	105,29	89,30	111,98
-/SL cây chất bột có củ	tấn	28.980,6	32.575,0	30.690,6	32.575,0	105,90	94,22	106,14
+ Sắn	tấn	21.604,5	24.500,0	24.475,5	24.500,0	113,29	99,90	100,10
+ Khoai các loại	tấn	7.376,1	8.075,0	6.215,1	8.075,0	84,26	76,97	129,93
- Ổi	tấn	555,0	550,0	561,7	550,0	101,22	102,13	97,92
- Đậu các loại	tấn	459,7	360,0	477,7	360,0	103,92	132,69	75,36
- Rau các loại	tấn	5.690,5	5.312,5	5.430,2	5.312,5	95,43	102,22	97,83
- Lạc	tấn	770,7	9.000,0	661,8	900,0	85,87	7,35	135,99
- Nấm	tấn	1.145,2	1.190,0	1.314,7	1.190,0	114,80	110,48	90,51
4. DT SX lúa chất lượng cao	ha	8.290,8	8.400,0	8.534,7	8.400,0	102,94	101,60	98,42
5. DT sản xuất lúa giống	"	434,4	500,0	660,1	500,0	151,96	132,02	75,75
6. DT lúa sà hàng	"	5.829,1	7.400,0	5.960,0	7.400,0	102,25	80,54	124,16
7. GTSX/1 ha canh tác	Trđ/ha	69,4	72,0	74,4	78,0	107,26	103,39	104,78
8. Chăn nuôi								
- Tổng đàn trâu	con	2.417	2.600	1.742	2.150	72,07	67,00	123,42
- Tổng đàn bò	con	7.070	8.500	6.231	8.500	88,13	73,31	136,41
+ Bê lai	con	4.350	5.300	4.678	5.300	107,54	88,26	113,30
- Tổng đàn lợn	con	45.374	62.000	44.195	62.000	97,40	71,28	140,29
- Tổng đàn dê	con	932	900	904	900	97,00	100,44	99,56
- Tổng đàn gia cầm	1000 con	558,80	590,00	564,00	590,00	100,93	95,59	104,61
- Sản lượng thịt hơi các loại	tấn	7.810,0	9.000,0	8.018,5	9.000,0	102,67	89,09	112,24
+ TD: sản lượng thịt lợn hơi	tấn	6.344	7.100	5.231	7.100	82,46	73,68	135,73
II- LÂM NGHIỆP								
1. Trồng cây phân tán	Vạn cây	14,0	12,0	14,0	12,0	100,00	116,67	85,71
2. Tỷ lệ che phủ	%	47,1	47,0	47,1	47,0	100,00	100,21	99,79
3. DT rừng khai thác	ha	1.500,0	2.100,0	1.500,0	1.500,0	100,00	71,43	100,00
4. Rừng trồng theo chứng chỉ FSC	ha	50,0	300,0	276,5	350,0	553,00	92,17	126,58
III- THỦY SẢN								
1. Số tàu thuyền đánh bắt:	chiếc	587,0	600,0	596,0	600,0	101,53	99,33	100,67
Tổng công suất	CV	8.191,0	8.191,0	8.326,0	8.400,0	101,65	101,65	100,89
2. Sản phẩm khai thác:	tấn							

CHỈ TIÊU	ĐVT	Thực hiện năm 2017	Kế hoạch 2018	Ước TH năm 2018	Kế hoạch 2019	Ước TH 2018 so với 2017	Ước TH 2018 so với 2018	KH 2019 so với 2018
- Hải sản khai thác	tấn	3.300,0	3.400,0	3.600,0	3.600,0	109,09	105,88	100,00
- TD: Hải sản có giá trị XK	"	841,0	760,0	1.200,0	1.200,0	142,69	157,89	100,00
<b>3. DT nuôi trồng chủ yếu</b>								
- Diện tích nuôi cá nước ngọt	ha	458,0	471,0	470,4	476,0	102,71	99,87	101,19
- Diện tích nuôi tôm CN	Ha	87,0	120,0	91,7	102,0	105,40	76,42	111,23
- Nuôi cá lồng	Lồng	162,0	170,0	187,0	200,0	115,43	110,00	106,95
<b>4. Sản lượng nuôi trồng</b>								
- Sản lượng nuôi cá nước ngọt	tấn	716,0	760,0	746,0	780,0	104,19	98,16	104,56
- Sản lượng nuôi tôm CN	tấn	1.010,0	2.300,0	1.250,0	1.700,0	123,76	54,35	136,00
<b>IV. CN - TTCN:</b>								
1. Số cơ sở CN-TTCN	Cơ sở	1.995	2.050	2.052	2.185	102,86	100,10	106,48
2. Số lao động làm việc	Lđ	4.837,0	5.423,0	5.320	5.612	109,99	98,10	105,49
3. Giá trị SX CN-TTCN	Tỷ đồng	1.283,00	1.747,00	1.402,00	1.671,00	109,28	80,25	119,19
<b>V. TM-DỊCH VỤ</b>								
1. Số hộ kinh doanh TM-DV	hộ	4.092	4.143	4.144	4.227	101,27	100,02	102,00
2. Tổng lao động làm việc	Lđ	5.961	5.966	5.967	6.086	100,10	100,02	101,99
3. Tổng DS bán lẻ TD & DV	Tỷ đồng	2.037,0	2.518,0	2.522,0	3.152,0	123,81	100,16	124,98
<b>B- VĂN HÓA XÃ HỘI:</b>								
<b>I. Giáo dục-đào tạo</b>								
1. Tổng số h/s PT đầu năm	H.sinh	15.100,0	15.024,0	15.082,0	14.846,0	99,88	100,39	98,44
Tiêu học	"	6758	6.695,0	6.843,0	6.795,0	101,26	102,21	99,30
THCS	h.sinh	5585	5.495,0	5.481,0	5.346,0	98,14	99,75	97,54
THPT	h.sinh	2.757,0	2.834,0	2.758,0	2.705,0	100,04	97,32	98,08
2. Tỷ lệ trẻ em trong độ tuổi đi nhà trẻ	%	37,4	37,5	38,8	38,8			
3. Tỷ lệ TE đi mẫu giáo	%	95,5	95,5	95,7	95,7			
4. Tỷ lệ trường học đạt chuẩn	%	75,6	80,0	63,4	71,4			
<b>II. Văn hoá</b>								
1. Tỷ lệ làng, thôn, xóm văn hóa	%	97,9	98,9	98,9	98,9			
2. Tỷ lệ đơn vị cơ quan, trường học văn hóa	%	98,5	100,0	100,0	100,0			
3. Tỷ lệ gia đình văn hóa	Đơn vị	91,3	92,0	92,0	92,5			
4. Số xã, thị trấn có nhà văn hóa	xã	16,0	17,0	17,0	18,0			

CHỈ TIÊU	DVT	Thực hiện năm 2017	Kế hoạch 2018	Ước TH năm 2018	Kế hoạch 2019	Ước TH 2018 so với 2017	Ước TH 2018 so với	KH 2019 so với 2018
<b>III. Y tế, Dân số- Gia đình &amp; TE</b>								
1. Tỷ lệ xã đạt chuẩn Quốc gia về y tế	%	85,0	95,0	85,0	90,0			
2. Tỷ lệ trạm y tế có bác sỹ	%	60,0	60,0	60,0	60,0			
3. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế	%	81,39	85,00	88,00	90,00			
4. Tỷ lệ SDD trẻ em dưới 5 tuổi	%	6,1	5,9	5,9	5,0			
5. Số xã, thị trấn đạt phù hợp với trẻ em	xã	20,0	20,0	20,0	20,0			
6. Tỷ lệ sinh con thứ 3	%	16,6	16,0	16,0	15,5			
7. Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên	%	0,87	<1	0,85	0,84			
8. Mức giảm tỷ suất sinh	%o	0,4	0,3	0,3	0,3			
<b>IV. Lao động- việc làm- giảm nghèo</b>								
<b>1. Lao động- việc làm</b>								
- Lao động được tạo việc làm mới trong năm	Người	1.200	1.200	1.000	1.000-1.200			
- Xuất khẩu lao động	Người	190	150	220	150-170			
- Tỷ lệ lao động qua đào tạo/ Tổng số lao động trong độ tuổi	%	49,9	53,0	53,0	57,0			
+TD: Lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ	%	32,3	>34	35,0	37,0			
<b>2. Giảm nghèo</b>								
- Tổng số hộ nghèo	hộ	1.639	1.397-1.276	1.347	1.105			
- Tỷ lệ hộ nghèo	%	6,78	5,78-5,28	5,86	4,57			
- Tỷ lệ giảm nghèo	%	1,8	1-1,5	0,84	1-1,2			
<b>V. Môi trường</b>								
1. Tỷ lệ hộ sử dụng nước hợp vệ sinh	%	99,52	99,70	99,71	99,80			
-TD: Tỷ lệ dân cư sử dụng nước máy	%	44,60	50,00	46,14	50,00			
2. Tỷ lệ hộ có hố xí hợp vệ sinh	%	93,20	95,50	95,55	96,50			
3. Tỷ lệ chất thải rắn được thu gom	%	86,02	89,00	89,92	91,00			